

Số: *3956*/QĐ - BKHCN

Hà Nội, ngày *25* tháng *12* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng
tiêu chuẩn quốc gia năm 2019**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) năm 2019”.

Điều 2. Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:


- Như Điều 4;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng


KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<u>I. BỘ CÔNG AN</u>									
Lĩnh vực phòng cháy chữa cháy									
1.		Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế lắp đặt	Xây dựng mới	Cục Cảnh sát PCCC và CNCH	2019	2020			
2.		Chất chữa cháy – Chất chữa cháy công nghệ bọc phân tử - F500EA – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Cục Cảnh sát PCCC và CNCH	2019	2020			
<u>II. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</u>									
Khí tượng thủy văn									
3.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 4: Quan trắc bức xạ	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020			
4.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 5. Quan trắc Ôzôn - bức xạ cực tím	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020			
5.		Quan trắc khí tượng thủy văn - Phần 6. Quan trắc thám không vô tuyến	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
6.		Quan trắc khí tượng thủy văn Phần 7. Quan trắc gió trên cao	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020				
7.		Quan trắc khí tượng thủy văn Phần 8. Quan trắc lưu lượng nước sông vùng không ảnh hưởng thủy triều	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020				
8.		Quan trắc khí tượng thủy văn Phần 9. Quan trắc lưu lượng nước sông vùng ảnh hưởng thủy triều	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020				
9.		Các yếu tố Khí tượng Thủy văn - khái niệm, thuật ngữ, ký hiệu và đơn vị đo	Xây dựng mới dựa trên TCN và thực tế đã áp dụng	Tổng cục KTTV	2019	2020				
Địa chất khoáng sản										
10.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 1. Phương pháp đo vẽ các thành tạo trầm tích Đệ tứ	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020				
11.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 2. Phương pháp đo vẽ các thành tạo trầm tích trước Đệ tứ	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
12.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 3. Phương pháp đo vẽ các thành tạo biển chất	Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
13.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 4. Phương pháp đo vẽ các thành tạo núi lửa không phân tầng	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
14.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 5. Phương pháp đo vẽ cấu trúc - kiến tạo	Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
15.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 6. Phương pháp đo vẽ vỏ phong hóa	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
16.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 7. Phương pháp điều tra tại biển địa chất	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
17.		Lập bản đồ ĐCKS tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền: Phần 8. Phương pháp điều tra địa chất môi trường	Xây dựng mới; Dựa trên QCVN 49:2012/TT- BTNMT và thực tế đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
18.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và	Tổng cục	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp đánh giá liều hiệu dụng trong nhà do khí phóng xạ gây ra .	Thông tư số 06/2015/BTNMT	ĐCKSVN					
19.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp đánh giá liều hiệu dụng ngoài nhà do khí phóng xạ gây ra .	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
20.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp đánh giá liều hiệu dụng ngoài nhà do bức xạ gamma gây ra.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
21.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp đánh giá liều hiệu dụng trong nhà do bức xạ gamma gây ra.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
22.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp đánh giá liều bức xạ do các nhân phóng xạ xâm nhập qua đường tiêu hóa.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
23.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp thành lập bản đồ nồng độ radon ngoài nhà.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
24.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp thành lập bản đồ nồng độ radon trong nhà.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
25.		Điều tra, đánh giá địa chất môi trường- Phương pháp thành lập bản đồ suất liều gamma ngoài nhà.	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và Thông tư số 06/2015/BTNMT	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
26.		Quặng Uran - Xác định hàm lượng urani, thory - Phương pháp khối phổ (ICP-MS)	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và TCCS đã áp dụng		2019	2020			
27.		Đất, đá quặng đất hiếm - Xác định hàm lượng các nguyên tố đất hiếm - Phương pháp khối phổ ICP-MS	Xây dựng mới dựa trên kết quả đề tài KHCN và TCCS đã áp dụng	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
28.		Đất, đá quặng - Yêu cầu kỹ thuật về gia công và phân tích mẫu lát mỏng thạch học	Xây dựng mới; sửa đổi TCN trước đây	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			
29.		Đất, đá quặng - Yêu cầu kỹ thuật về gia công và phân tích mẫu khoáng tương	Xây dựng mới; sửa đổi TCN trước đây	Tổng cục ĐCKSVN	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
III. BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI									
30.		Hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động	Chấp nhận ISO 45001:2018	Cục An toàn lao động	2019	2020			
IV. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI									
31.		Mặt đường bê tông nhựa rỗng thoát nước – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	“Chỉ dẫn tạm thời về thiết kế, thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa rỗng có sử dụng phụ gia TAFPAC-Super” ban hành kèm theo QĐ số 431/QĐ-BGTVT ngày 04/02/2016	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
32.		Bê tông nhựa – Phương pháp thử xác định cường độ và từ biến bằng mô hình kéo gián tiếp.	Chấp nhận AASHTO T322	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
33.		Bê tông nhựa – Phương pháp thử xác định độ nhay âm.	Chấp nhận AASHTO T283-14	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
34.		Phương pháp xác định độ cứng và khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông đầm lăn bằng bàn rung.	Chấp nhận ASTM C29/C 29M; ASTM C172; ASTM E 1; ASTM E 11; 207.5R-88...	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
35.		Công trình cảng biển - Yêu cầu về bảo trì	Nâng cấp từ TCCS 04:2014/CHVN	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
36.		Cầu đường sắt – Tiêu chuẩn thiết kế (phần 5- phần 10)	Theo tiêu chuẩn nước ngoài của Nhật Bản có tham khảo, so sánh với một số tiêu chuẩn khác	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
37.		Bentonite polyme - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	TCCS 11:2016/TCĐBVN	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
38.		Khe co giãn thép dạng răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	JT/T723-2008	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
39.		Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô-Thi công và nghiệm thu.	Soát xét TCVN 8858	Viện KH&CN GTVT	2019	2020			
40.		Công trình biên cố định - Kết cấu - Phần 8: Hệ thống chống ăn mòn	Bổ sung cập nhật TCVN: TCVN 6170-8:1999	Cục ĐKVN	2019	2020			
41.		Công trình biên cố định - Phần 12: Vận chuyển và Dựng lắp	Bổ sung cập nhật TCVN: TCVN 6170-12:2002	Cục ĐKVN	2019	2020			
42.		Công trình biên cố định - Kết cấu - Phần 11: Chế tạo	Bổ sung cập nhật TCVN: TCVN 6170-11:2002	Cục ĐKVN	2019	2020			
43.		Hệ thống quản lý an toàn vận hành đường sắt đô thị	Quy chuẩn hệ thống quản lý an toàn ĐS 2015 của Canada	Cục ĐKVN	2019	2020			
44.		Ứng dụng đường sắt - Phương tiện đường sắt đô	Tiêu chuẩn quốc tế IEC 60494-1, IEC60494-2	Cục ĐKVN	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thị - Thiết bị lấy điện - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.							
45.		Giàn di động trên biển- Phần 1: Phân cấp	Thay thế TCVN 5309: 2016 Giàn di động trên biển – Phân cấp	Cục ĐKVN	2019	2020			
46.		Giàn di động trên biển- Phần 2: Thân và trang thiết bị	Thay thế TCVN 5310: 2016 Giàn di động trên biển – Thân giàn; TCVN 5311: 2016 Giàn di động trên biển – Trang thiết bị; TCVN 5312: 2016 Giàn di động trên biển - Ổn định; TCVN 5313: 2016 Giàn di động trên biển – Phân khoang.	Cục ĐKVN	2019	2020			
47.		Giàn di động trên biển- Phần 3: Máy và hệ thống	Thay thế TCVN 5315: 2016 Giàn di động trên biển – Hệ thống máy; TCVN 5316: 2016 Giàn di động trên biển – Trang bị điện.	Cục ĐKVN	2019	2020			
48.		Giàn di động trên biển- Phần 4: An toàn và phòng chống cháy	Thay thế TCVN 5314: 2016 Giàn di động trên biển – Phòng và chữa cháy; TCVN 5319: 2016 Giàn di động trên biển – Trang bị an toàn	Cục ĐKVN	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
49.		Giàn di động trên biển- Phần 5: Vật liệu và hàn	Thay thế TCVN 5317: 2016 Giàn di động trên biển – Vật liệu; TCVN 5318: 2016 Giàn di động trên biển – Hàn.	Cục ĐKVN	2019	2020			
50.		Tiêu chuẩn dịch vụ tiếp nhận, truyền phát, xử lý thông tin an ninh hàng hải	Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS code)	Cục HHVN	2019	2020			
51.		Tiêu chuẩn kỹ thuật ghi đường sắt (áp dụng cho đường 1000mm – Đường 1435 mm – Đường lồng)	Tham khảo QCVN 08: 2018/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt - TCCS 02 :2009/VNRA Nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (Phần đại tu và xây dựng mới) - Tiêu chuẩn Nhật Bản	Cục Đường sắt VN	2019	2020			
<u>V. BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ</u>									
Công nghệ thông tin									
52.		Công nghệ thông tin –Kỹ thuật an toàn – Mã hóa ký	Chấp nhận ISO/IEC 29150:2011	Cục Quản lý mật mã dân sự và kiểm định sản phẩm mật mã	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
53.		Công nghệ thông tin –Kỹ thuật an toàn – Phần 5: Các hàm băm	Chấp nhận ISO/IEC 29192-5:2016	nt	2019	2020			
54.		Công nghệ thông tin –Kỹ thuật an toàn – Bộ tạo số nguyên tố	Chấp nhận ISO/IEC 18032	nt	2019	2020			
55.		Công nghệ thông tin –Kỹ thuật an toàn – Các thuật toán mật mã và kiểm thử phù hợp các cơ chế an toàn	Chấp nhận ISO/IEC 18367:2016	nt	2019	2020			
56.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mã hóa có xác thực	Chấp nhận ISO/IEC 19772:2009	nt	2019	2020			
57.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn –Quản lý khóa – Phần 5: Nhóm quản lý khóa	Chấp nhận ISO/IEC 11770-5:2011	nt	2019	2020			
58.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Xác thực thực thể ẩn danh – Phần 1: Tổng quan	Chấp nhận ISO/IEC 20009-1:2013	nt	2019	2020			
59.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Xác thực thực thể ẩn danh – Phần 2: Các cơ chế dựa trên chữ ký sử dụng một nhóm khóa công khai	Chấp nhận ISO/IEC 20009-2:2013	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
60.		Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Xác thực thực thể ẩn danh – Phần 4: Các cơ chế dựa trên bí mật yếu	Chấp nhận ISO/IEC 20009-4:2017	nt	2019	2020			
<u>VI. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</u>									
Văn hóa									
61.		Mỹ thuật – Thuật ngữ và định nghĩa	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu, Đề tài nghiên cứu Khoa học	Trường Đại học Mỹ thuật TP Hồ Chí Minh	2019	2020			
62.		Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật- Khảo sát, đánh giá hiện trạng	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Viện Bảo tồn Di tích	2019	2020			
63.		Kho bảo quản hiện vật bảo tàng – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu BS EN 16893:2018 Đề tài NCKH	Cục Di sản Văn hóa	2019	2020			
Thể dục thể thao									
64.		Thảm thể thao: Phần 1: Thảm thể dục dụng cụ -	Chấp nhận BS EN 12503-1	Trung tâm HLTT quốc gia	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Yêu cầu an toàn		TP Hồ Chí Minh					
65.		Thảm thể thao: Phần 2: Thảm nhảy cao và nhảy sào - Yêu cầu an toàn	Chấp nhận BS EN 12503- 2	nt	2019	2020			
66.		Thảm thể thao: Phần 3: Thảm Judo - Yêu cầu an toàn	Chấp nhận BS EN 12503- 3	nt	2019	2020			
67.		Thảm thể thao: Phần 4: Xác định độ hấp thụ lực va đập	Chấp nhận BS EN 12503- 4	nt	2019	2020			
68.		Thảm thể thao: Phần 5: Xác định độ ma sát nền	Chấp nhận BS EN 12503-5	nt	2019	2020			
69.		Thảm thể thao: Phần 6: Xác định độ ma sát bề mặt	Chấp nhận BS EN 12503-6	nt	2019	2020			
70.		Thảm thể thao: Phần 7: Xác định độ cứng tĩnh	Chấp nhận BS EN 12503-7	nt	2019	2020			
71.		Thiết bị bể bơi – Phần 6 : Yêu cầu an toàn đặc trưng bổ sung và PP thử ván vòng quay	Chấp nhận EN 13451-6	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	2019	2020			
72.		Thiết bị bể bơi – Phần 7 : Yêu cầu an toàn đặc trưng	Chấp nhận EN 13451-7	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bổ sung và PP thử gôn bóng nước							
73.		Thiết bị bể bơi – Phần 8 : Yêu cầu an toàn đặc trưng bổ sung và PP thử thiết bị cho các hoạt động giải trí trên mặt nước	Chấp nhận EN 13451-8	nt	2019	2020			
74.		Thiết bị bể bơi – Phần 10 : Yêu cầu an toàn đặc trưng bổ sung và PP thử cầu nhảy cứng, cầu nhảy mềm và các thiết bị liên quan	Chấp nhận EN 13451-10	nt	2019	2020			
75.		Thiết bị bể bơi – Phần 11 : Yêu cầu an toàn đặc trưng bổ sung và PP thử sàn di động hồ bơi và vách ngăn di động	Chấp nhận EN 13451-11	nt	2019	2020			
76.		Thiết bị thể dục dụng cụ- Yêu cầu và an toàn chung và PP thử	Chấp nhận BS EN 913	Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	2019	2020			
77.		Thiết bị thể dục dụng cụ- Bục nhảy chống – Yêu cầu kỹ thuật và PP thử	Chấp nhận BS EN 916	nt	2019	2020			
78.		Thiết bị thể dục dụng cụ- Lưới bật – Yêu cầu an toàn chức năng và PP thử	Chấp nhận BS EN 13219	nt	2019	2020			
79.		Thiết bị bảo vệ trong vó	Chấp nhận	Trường Đại học	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thuật – Phần 1: Yêu cầu chung và PP thử	ISO 21924-1	TĐTT TP Hồ Chí Minh					
80.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 2: Yêu cầu bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ mu bàn chân, bảo vệ gối và bảo vệ cẳng tay	Chấp nhận ISO 21924-2	nt	2019	2020			
81.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 3: Yêu cầu bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ thân người (giáp ngực)	Chấp nhận ISO 21924-3	nt	2019	2020			
82.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 4: Yêu cầu bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ đầu	Chấp nhận ISO 21924-4	nt	2019	2020			
83.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 5: Yêu cầu bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ bộ phận sinh dục và bảo vệ bụng	Chấp nhận ISO 21924-5	nt	2019	2020			
84.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 6: Yêu cầu bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ ngực của nữ	Chấp nhận ISO 21924-6	nt	2019	2020			
85.		Thiết bị bảo vệ trong vó thuật – Phần 7: Yêu cầu	Chấp nhận ISO 21924-7	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bổ sung và PP thử trang bị bảo vệ bàn tay và bảo vệ chân							
86.		Thiết bị leo núi – Phan trổng – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12270	Viện Khoa học Thể dục thể thao	2019	2020			
87.		Thiết bị leo núi – Dụng cụ nối – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12275	nt	2019	2020			
88.		Thiết bị leo núi – Neo ma sát – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12276	nt	2019	2020			
89.		Thiết bị leo núi – Bộ dây treo – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12277	nt	2019	2020			
90.		Thiết bị leo núi – Ròng rọc – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12278	nt	2019	2020			
91.		Thiết bị leo núi – Mũ bảo hiểm cho người leo núi – Yêu cầu an toàn và PP thử	Chấp nhận EN 12492	nt	2019	2020			
Du lịch									
92.		Du lịch và các dịch vụ liên quan – Du lịch công nghiệp - Yêu cầu về cung cấp dịch vụ	Chấp nhận ISO 13810	Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
93.		Biệt thự du lịch – Xếp hạng	Soát xét TCVN 7795:2009	Vụ Khách sạn	2019	2020			
VII. BỘ Y TẾ									
Nguyên liệu hoá Dược									
94.		Anastrozol	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2019	2020			
95.		Betahistin dihydroclorid	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
96.		Cefoxitin natri	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
97.		Desloratadin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
98.		Flunarizin dihydroclorid	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
99.		Lamotrigin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
100.		Levetiracetam	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
101.		Levocetirizin dihydroclorid	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
102.		Lisinopril	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
103.		Natri alendronat	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
104.		Rabeprazol natri	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
105.		Rosuvastatin calci	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
106.		Thiamazol	Xây dựng mới	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thành phẩm hóa dược									
107.		Thuốc tiêm cefoxitin natri	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
108.		Thuốc tiêm ondansetron	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
109.		Thuốc tiêm tramadol	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
110.		Viên nén anastrozol	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
111.		Viên nén betahistin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
112.		Viên nén citicolin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
113.		Viên nén desloratadin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
114.		Viên nén flunarizin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
115.		Viên nén lamotrigin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
116.		Viên nén levetiracetam	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
117.		Viên nén levocetirizin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
118.		Viên nén lisinopril	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
119.		Viên nén natri alendronat	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
120.		Viên nén ondansetron	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
121.		Viên nén rosuvastatin	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
122.		Viên nén sertralín	Xây dựng mới	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
123.		Viên nén thiamazol	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
124.		Viên nén telmisartan + hydrochlorothiazid	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
125.		Viên nén tramadol + paracetamol	Xây dựng mới	nt	2019	2020			
An toàn Thực phẩm									
126.		Nguyên liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Xác định hàm lượng Aloins và Aloe-emodin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận AOAC Official Method 2016.09	nt	2019	2020			
127.		Nguyên liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Xác định hàm lượng Chondroitin Sulfate bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận AOAC Official Method 2015.11	nt	2019	2020			
128.		Thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Xác định hàm lượng Hypericin và Pseudohypericin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Chấp nhận AOAC Official Method 2013.15	nt	2019	2020			
129.		Nguyên liệu và thực phẩm bảo vệ sức khỏe có nguồn gốc từ nghệ – Xác định hàm lượng Curcuminoid	Chấp nhận AOAC Official Method 2016.16	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bảng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao với detector UV-Vis							
130.		Thực phẩm công thức và thực phẩm dinh dưỡng - Xác định hàm lượng Lutein và Beta-Caroten. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao pha đảo	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2016.13</i>	nt	2019	2020			
131.		Thực phẩm công thức – Xác định hàm lượng Sodium Fluoroacetate– Phương pháp sắc ký lỏng khối phổ với kỹ thuật xử lý mẫu QuERChERS	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2015.03</i>	nt	2019	2020			
132.		Thực phẩm công thức dành cho trẻ nhỏ. Xác định thành phần Whey protein. Phương pháp tính thành phần và tỉ lệ các acid amin	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2012.07</i>	nt	2019	2020			
133.		Sữa và thực phẩm công thức – Xác định hàm lượng Choline bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ (LC-MS/MS)	Chấp nhận <i>AOAC Official method 2012.18</i>	nt	2019	2020			
134.		Thực phẩm dinh dưỡng dạng bột – Xác định hàm	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2015.04</i>	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lượng Mono Fluoroacetate– Phương pháp dẫn xuất hóa với 2-nitrophenylhydrazin và LC-MS/MS							
135.		Sản phẩm thực phẩm ngô đã chế biến hoặc chưa chế biến. Định tính Gluten bằng phương pháp que thử sắc ký miễn dịch R5	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2015.16</i>	nt	2019	2020			
136.		Nguyên liệu <i>Withania somnifera</i> . Xác định hàm lượng các Withanolide (Withanoside IV, Withanoside V, Withaferin A, 12-Deoxywithaströmonolide, Withanolide A, and Withanolide B). Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận <i>AOAC Official Method 2015.17</i>	nt	2019	2020			
137.		Phomat - Xác định hàm lượng Titanium. Phương pháp UV-VIS	Chấp nhận <i>AOAC Official method 973.36</i>	nt	2019	2020			
138.		Phương pháp phân tích dấu ấn sinh học phân tử. Các phương pháp phân tích phát hiện sinh vật biến đổi di truyền và các	Chấp nhận <i>ISO/TS 21569 – 5:2016</i>	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen- Phần 5:Phương pháp realtime-PCR sàng lọc để phát hiện các trình tự DNA promoter FMV (P-FMV)							
139.		Phương pháp phân tích dấu ấn sinh học phân tử. Các phương pháp phân tích phát hiện sinh vật biến đổi di truyền và các sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen- Phần 6: Phương pháp realtime-PCR sàng lọc để phát hiện các trình tự DNA cry1AB/Ac và Pubi-cry	Chấp nhận ISO/TS 21569 – 6:2016	nt	2019	2020			
140.		Xác định hàm lượng Sulfur amino acid bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion	Chấp nhận AOAC 985.28	nt	2019	2020			
141.		Xác định hàm lượng Reserpine and Rescinnamine bằng phương pháp HPLC	Chấp nhận AOAC 997.10	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
142.		Xác định hoạt tính Glucoamylase bằng phương pháp thủy phân enzyme và đo màu	Chấp nhận AOAC 994.09	nt	2019	2020			
143.		Xác định hoạt tính Lactase trung tính (β -Galactosidase) bằng phương pháp đo màu	Chấp nhận AOAC 998.04	nt	2019	2020			
144.		Xác định hàm lượng kháng tinh bột bằng phương pháp thủy phân enzym	Chấp nhận AOAC 2002.02	nt	2019	2020			
145.		Xác định hàm lượng tổng Tryptophan bằng phương pháp HPLC kết hợp thủy phân enzym	Chấp nhận AOAC 2017.03	nt	2019	2020			
146.		Xác định hàm lượng Flavanol và Procyanidin (DP 1-10) bằng phương pháp HPLC	Chấp nhận AOAC 2013.03	nt	2019	2020			
147.		Xác định hàm lượng Mitragynin bằng phương	Chấp nhận AOAC 2017.14	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp HPLC							
Trang thiết bị y tế									
148.		Trang thiết bị y tế - Nguyên tắc thiết yếu về an toàn và hiệu suất của thiết bị y tế - Phần 1: Các nguyên tắc cơ bản chung và nguyên tắc thiết yếu cụ thể cho tất cả các thiết bị y tế không thuộc IVD và hướng dẫn lựa chọn tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 16142-1:2016	Viện TTB&CTYT	2019	2020			
149.		Trang thiết bị y tế - Nguyên tắc thiết yếu về an toàn và hiệu suất của thiết bị y tế - Phần 2: Các nguyên tắc cơ bản chung và nguyên tắc thiết yếu bổ sung cho tất cả các thiết bị y tế IVD và hướng dẫn lựa chọn tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 16142-2:2017	Viện TTB&CTYT	2019	2020			
150.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 3: Các ứng dụng nội bộ	Chấp nhận ISO 18250-3:2018		2019	2020			
151.		hử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và in vitro Thiết bị y tế - Cấu	Chấp nhận ISO/TS 19218-1:2011		2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trúc mã hóa phân cấp cho các sự kiện bất lợi - Phần 1: Mã loại sự kiện							
152.		Thử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và in vitro Thiết bị y tế - Cấu trúc mã hóa phân cấp cho các sự kiện bất lợi - Phần 1: Mã loại sự kiện	Chấp nhận ISO/TS 19218-2:2012		2019	2020			
153.		Trang thiết bị y tế - Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ISO 14971	Chấp nhận ISO/TR 24971:2013		2019	2020			
154.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần 7: Small-bore connectors for liquids and gases in healthcare applications -- Part 7: Connectors for intravascular or hypodermic applications	Chấp nhận ISO 80369-7:2016		2019	2020			
155.		Bộ đầu nối cỡ nhỏ cho chất lỏng và khí trong ứng dụng y tế -- Phần 20: Small-bore connectors for liquids and gases in healthcare applications -- Part 20: Common test methods	Chấp nhận ISO 80369-20:2015		2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
156.		Hướng dẫn về các giai đoạn chuyển tiếp cho các tiêu chuẩn do ISO / TC 84 phát triển - Thiết bị dùng cho quản lý dược phẩm và ống thông	Chấp nhận ISO/TR 19244:2012		2019	2020			
157.		Xi-lanh tiêm sẵn - Phần 1: Xi lanh thủy tinh cho hộp thuốc gây tê cục bộ nha khoa	Chấp nhận ISO 11040-1:2015		2019	2020			
158.		Xi-lanh tiêm sẵn - Phần 2: Nút pit tông cho hộp nha khoa gây tê cục bộ	Chấp nhận ISO 11040-2:2011		2019	2020			
159.		Xi-lanh tiêm sẵn - Phần 3: Seals cho hộp nha khoa gây tê cục bộ	Chấp nhận ISO 11040-3:2012		2019	2020			
160.		Nha khoa - Hộp mực dùng một lần cho thuốc tê tại chỗ	Chấp nhận ISO 11499:2014		2019	2020			
161.		Laser và thiết bị liên quan đến laser - Xác định khả năng kháng laser của ống khí quản - Phần 1: Trụ ống khí quản	Chấp nhận ISO 11990-1:2011		2019	2020			
162.		Laser và thiết bị liên quan đến laser - Xác định khả năng kháng laser của ống khí quản - Phần 2: Còng ống khí quản	Chấp nhận ISO 11990-2:2010		2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
163.		Thiết bị y tế - Ngưng thở khi ngủ bằng hơi thở - Mặt nạ và phụ kiện ứng dụng Xác minh thiết kế thiết bị phân phối thuốc Aerosol - Yêu cầu và p/pháp thử	Chấp nhận ISO 17510:2015		2019	2020			
164.		Hệ thống đường sắt để hỗ trợ thiết bị y tế	Chấp nhận ISO 19054:2005		2019	2020			
165.		Hệ thống sơ tán chòm được tạo ra bởi các thiết bị y tế	Chấp nhận ISO 16571:2014		2019	2020			
166.		Máy thở - Phần 4: Yêu cầu riêng đối với người hồi sức điều khiển	Chấp nhận ISO 10651-4:2002		2019	2020			
167.		Máy thở dùng trong y tế - Yêu cầu riêng về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Phần 5: Máy hồi sức cấp cứu bằng khí đốt	Chấp nhận ISO 10651-5:2006		2019	2020			
168.		Đánh giá tính tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 1: Đánh giá và thử nghiệm trong một quá trình quản lý rủi ro	Chấp nhận ISO 18562-1:2017		2019	2020			
169.		Đánh giá khả năng tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng	Chấp nhận ISO 18562-2:2017		2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 2: Thử nghiệm phát thải các hạt vật chất							
170.		Đánh giá khả năng tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 3: Thử nghiệm phát thải các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	Chấp nhận ISO 18562-3:2017		2019	2020			
171.		Đánh giá khả năng tương thích sinh học của các đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 4: Các xét nghiệm cho các chất có thể lọc được trong nước ngưng tụ	Chấp nhận ISO 18562-4:2017		2019	2020			
172.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Máy tạo độ ẩm thụ động	Chấp nhận ISO 20789:2018		2019	2020			
173.		Hướng dẫn lựa chọn phương tiện thông gió thích hợp dựa trên bệnh nhân, môi trường sử dụng và nhà điều hành dự kiến	Chấp nhận ISO/TR 21954:2018		2019	2020			
174.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-69: Yêu cầu cơ bản về an toàn và hiệu suất thiết yếu của thiết bị tập trung oxy	Chấp nhận ISO 80601-2-69:2014		2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
VIII. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN									
Phân bón									
175.		Phân bón - Phương pháp xác định hàm lượng vitamin Phần 1. Phương pháp xác định hàm lượng vitamin nhóm B Phần 2. Phương pháp xác định hàm lượng vitamin C	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc	2019	2020			
176.		Phân bón - Phương pháp xác định hàm lượng GA3		Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc					
177.		Phân bón - Phương pháp xác định hàm lượng NAA, NOA	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc	2019	2020			
178.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng <i>Streptomyces</i> Phần 1. Định lượng <i>Streptomyces</i> Phần 2. Định lượng <i>Streptomyces Microflavus</i>	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			
179.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng <i>Azospirillum</i> Phần 1. Định lượng <i>Azospirillum</i> Phần 2.1. Định lượng <i>Azospirillum lipoferum</i>	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Phần 2.2. Định lượng Azospirillum brasilense</i>							
180.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng <i>Azotobacter</i> <i>Phần 1. Định lượng Azotobacter</i> <i>Phần 2.1. Định lượng Azotobacter chorococum</i> <i>Phần 2.2. Định lượng Azotobacter vinelandii</i>	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			
181.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng <i>Paenibacillus</i> <i>Phần 1. Định lượng Paenibacillus</i> <i>Phần 2.1. Định lượng Paenibacillus durum</i> <i>Phần 2.2. Định lượng Paenibacillus floescence</i> <i>Phần 2.3. Định lượng Paenibacillus gordonae</i> <i>Phần 2.4. Định lượng Paenibacillus polymyxa</i>	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			
182.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng <i>Saccharomyces</i> <i>Phần 1. Định lượng Saccharomyces</i> <i>Phần 2.1. Định lượng Saccharomyces cereviciace</i>	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 2.2. Định lượng <i>Saccharomyces ereviside</i> Phần 2.3. Định lượng <i>Saccharomyces sake</i>							
183.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng Nitrosomonas Phần 1. Định lượng Nitrosomonas Phần 1.1. Định lượng Nitrosomonas Pseudomonas	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			
184.		Phân bón vi sinh vật - Định lượng Lactobacillus Phần 1. Định lượng Lactobacillus Phần 2.1. Định lượng Lactobacillus acidophilus	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020			
185.		Phân bón - Phương pháp xác định tỷ trọng	Xây dựng mới	Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	2019	2020			
186.		Phân bón - Phương pháp xác định hàm lượng Nitrobenzen	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc	2019	2020			
187.		Phân bón: Phương pháp xác định hàm lượng Thioure	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc	2019	2020			
188.		Phân bón: Phương pháp xác định hàm lượng độ PH	Xây dựng mới	Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
189.		Phân bón: Phương pháp xác định hàm lượng Clorine (PP xác định Clorine)	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ và KN thuộc phía Bắc	2019	2020				
190.		Phân bón. Phương pháp xác định hàm lượng Bo hòa tan trong nước.	Xây dựng mới	Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	2019	2020				
191.		Phân bón. Xác định hàm lượng Bo hòa tan trong axit.	Soát xét TCVN 10679:2015	Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	2019	2020				
192.		Phân bón - Xác định hàm lượng lưu huỳnh hòa tan	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020				
193.		Phân bón rắn - Xác định hàm lượng silic hữu hiệu bằng phương pháp phổ hấp thụ phân tử	Rà soát TCVN 11047:2016	Cục BVTV	2019	2020				
194.		Phân bón - Phương pháp xác định hàm lượng amino acid Phần 1. Xác định hàm lượng amino acid tổng số Phần 2. Xác định hàm lượng amino acid tự do Phần 3. Xác định hàm lượng từng loại amino acid cụ thể	Xây dựng mới	Cục BVTV	2019	2020				
Bảo vệ thực vật										
195.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Nicosulfuron	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuộc BVTV Phía Bắc	2019	2020				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
196.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Propamocarb HCl	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
197.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất beta –cyfluthrin	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
198.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Carbaryl	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
199.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Fluazinam	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
200.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Niclosamide	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
201.		Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất Metolachlor	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật									
202.		Rau quả- Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm thiourea	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			
203.		Gạo, hồ tiêu- Xác định dư lượng thuốc BVTV nereistoxin, thiosultap sodium	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			
204.		Nông sản có nguồn gốc thực vật - Xác định đa dư	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lượng thuốc bảo vệ thực vật có độ phân cực cao: Paraquat, Diquat, Glyphosate, Glufosinate, Phosphonic acid, Streptomycin, Kasugamycin,...		BVTV Phía Nam					
Khảo nghiệm hiệu lực thuốc bảo vệ thực vật									
205.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với dòi đục lá hại cây họ bầu bí.	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
206.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh đốm lá hại cây ngô.	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
207.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 3-... Yêu cầu cụ thể đối với phòng trừ cỏ hại cây trồng cận ngắn ngày.	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
208.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với sâu khoang hại cây rau thập tự	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
209.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh thán thư hại cây cà chua	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
210.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh thán thư hại cây họ bầu bí	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
211.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh sương mai hại cây họ thập tự	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
212.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 3-... Yêu cầu cụ thể đối với phòng trừ cỏ hại cây dài ngày	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
213.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh chết nhanh hại hồ tiêu	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
214.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với rệp hại	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cây cà phê							
215.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với nhện lông nhung (<i>Eriophyses dimocarpis Kuang</i>) hại nhãn, vải.	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
216.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với sâu vẽ bùa hại cây có múi	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
217.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với bọ cánh tơ hại cây chè	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
218.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-... Yêu cầu cụ thể đối với bệnh khô vằn hại cây ngô	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Bắc	2019	2020			
219.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-... Yêu cầu cụ thể đối với sâu hại cây hành: Hành lá, hành tím, hành tây	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
220.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-...Yêu cầu cụ thể đối với bệnh hại cây hành: Hành lá, hành tím, hành tây	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			
221.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 1-...Yêu cầu cụ thể đối với sâu hại cây họ đậu dạng dây leo: Đậu đũa, đậu cove, đậu rồng,...	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			
222.		Khảo nghiệm hiệu lực sinh học của thuốc bảo vệ thực vật. Phần 2-...Yêu cầu cụ thể đối với bệnh hại cây họ đậu dạng dây leo: Đậu đũa, đậu cove, đậu rồng, ...	Xây dựng mới	Trung tâm KĐ & KN thuốc BVTV Phía Nam	2019	2020			
Kiểm dịch thực vật									
223.		Quy trình giám định nấm gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với nấm Puccinia psidii G. Winter.	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
224.		Quy trình giám định nấm gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với nấm Balansia	Chuyển đổi từ QCVN01 - 33:2010/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		oryzae - sativa Hashioka							
225.		Quy trình giám định nấm gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Synchytrium endobioticum</i>	Chuyển đổi từ QCVN01 - 181:2014/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
226.		Quy trình giám định nấm gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với nấm <i>Microcyclus ulei</i> (Henn.) Arx	Chuyển đổi từ QCVN01 - 179:2014/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
227.		Quy trình giám định tuyến trùng gây bệnh thực vật Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
228.		Quy trình giám định tuyến trùng thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với <i>Meloidogyne chitwoodi</i> Golden, O'Bannon, Santo&Finley, <i>Meloidogyne ethiopica</i> Whitehead, <i>Meloidogyne fallax</i> Karssen và <i>Meloidogyne hapla</i> Chitwood.	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
229.		Quy trình giám định tuyến trùng thực vật. Phần 2:... Yêu cầu cụ thể đối với <i>Ditylenchus dipsaci</i> và <i>Ditylenchus destructor</i>	Chuyển đổi QCVN 01-34:2010/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
230.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với <i>Ceratitis capitata</i> (Wiedemann), <i>Ceratitis cosyra</i> Karsch, <i>Ceratitis quinaria</i> (Bezzi), và <i>Ceratitis rosa</i> Karsch.	Bổ sung và chuyên đổi QCVN 01-106:2012/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
231.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với <i>Anastrephafraterculus</i> (Wiedemann), <i>Anastrephaludens</i> (Loew), <i>Anastrephaobliqua</i> (Macquart), <i>Anastrephaserpentina</i> (Wiedemann) và <i>Anastrephastrinata</i> Schine	Bổ sung và chuyên đổi QCVN 01-108:2012/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
232.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với <i>Bactrocera albistrigata</i> (de Meijere), <i>Bactrocera depressa</i>	Bổ sung và chuyên đổi QCVN 01-109:2012/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Shiraki, <i>Bactrocera tryoni</i> (Froggatt) và <i>Bactrocera tsuneonis</i> (Miyake)							
233.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với vòi voi hại xoài <i>Sternochetus mangiferae</i> (Fabricius)	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
234.		Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với mọt lạc serratus (<i>Caryedon serratus</i> Olivier)	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
235.		Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật Phần 1: Quy định chung	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
236.		Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật Phần 2....: Yêu cầu cụ thể đối với cây ké đồng <i>Cirsium arvense</i> (L.) Scop	Chuyển đổi QCVN 01-163:2014/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
237.		Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật Phần 2: Quy định cụ thể đối với cỏ ma ký sinh <i>Striga densiflora</i> (Benth.) Benth., <i>Striga</i>	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>hermonthica</i> (Del.) Benth., <i>Striga angustifolia</i> (D. Don) C. J. Saldanha và <i>Striga asiatica</i> (L.) Kuntze							
238.		Quy trình đánh giá nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường đối với kẻ thù tự nhiên là nhóm côn trùng bắt mồi ăn thịt được sử dụng trong phòng trừ sinh học nhập khẩu vào Việt Nam	Sửa chữa, bổ sung, chuyển đổi từ QCVN 01-37:2013/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
239.		Quy trình đánh giá nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường đối với kẻ thù tự nhiên là nhóm sinh vật ký sinh được sử dụng trong phòng trừ sinh học nhập khẩu vào Việt Nam	Sửa chữa, bổ sung, chuyển đổi từ QCVN 01-37:2013/BNNPTNT	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
Hướng dẫn kiểm dịch thực vật									
240.		Hướng dẫn việc xây dựng và đánh giá các biện pháp tổng hợp trong hệ thống quản lý nguy cơ dịch hại	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
241.		Hướng dẫn báo cáo về tình hình xuất hiện và bùng phát sinh vật gây hại	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
242.		Hướng dẫn quy trình thiết lập vùng ít phổ biến sinh	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		vật gây hại		dịch thực vật					
243.		Phân loại vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo nguy cơ dịch hại	Xây dựng mới	Trung tâm Giám định và Kiểm dịch thực vật	2019	2020			
Chăn nuôi									
244.		Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng flo bằng phương pháp chung cất.	Chấp nhận TCNN AOAC 975.08	Viện chăn nuôi	2019	2020			
245.		Thức ăn chăn nuôi. Xác định hàm lượng kháng sinh Colistin bằng phương pháp sắc ký lỏng	Xây dựng mới Căn cứ xây dựng: được điển của Anh đã xây dựng TCCS thực hiện 10 năm	Cục chăn nuôi	2019	2020			
246.		Thức ăn chăn nuôi và premix – Xác định selen	Chấp thuận AOAC 996.16 Selenium in Feeds and Premixes	Viện chăn nuôi	2019	2020			
247.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định bacitracin-MD trong thức ăn hỗn hợp. Phương pháp vi sinh	Chấp thuận AOAC 993.29 Bacitracin- MD (BMD) in complete Feed. Microbiological Plate Assay Methods	Viện chăn nuôi	2019	2020			
248.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định bithionol bằng phương pháp quang phổ	Chấp thuận AOAC 960.62 Bithionol in Feeds Spectrophotometric Methods	Viện chăn nuôi	2019	2020			
249.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định Diethylstilbestrol bằng đo quang phổ	Xây dựng mới AOAC 956.10 Diethylstilbestrol in feeds	Viện chăn nuôi	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Spectrophotometric Methods						
250.		Thức ăn chăn nuôi – Xác định polysaccharide phi tinh bột (non – starch polysaccharides) – Phương pháp sắc ký	Bach Knudsen, K.E.1977. Carbohydrate and lignin contents of plant materials used in animal feeding. Anim. Feed Sci. Technol. 67 : 319 – 338 - Theander, O., P.Aman, E. Westerlund, R. Andersson and D. Pettersson.1995. Total dietary fibre determined as neutral sugar residues, uronic acid residues, and Klason lignin (The Uppsala Method: Collaborative study.J. AOAC Int.78: 1030-1044.	Viện chăn nuôi	2019	2020			
251.		Gà giống nội – Yêu cầu kỹ thuật Phần 12. Gà Tiên Yên Phần 13. Gà Tre	Bổ sung TCVN 9117:2011 Kết quả của đề tài nghiên cứu và thực tế sản xuất	Cục chăn nuôi	2019	2020			
252.		Vịt giống – Yêu cầu kỹ thuật Phần 6. Vịt TC Phần 7. Vịt PT	Xây dựng mới Kết quả của đề tài nghiên cứu và thực tế sản xuất	Cục chăn nuôi	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch	
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác		
		Phần 8. Hòa Lan								
253.		Ong giống – Yêu cầu kỹ thuật Phần 1. Ong nội (Apis cerana cerana) Phần 2. Ong nội (Apis cerana Indica) Phần 3. Ong ngoại (Apis Mellifera)	Xây dựng mới Kết quả của đề tài nghiên cứu và thực tế sản xuất	Cục Chăn nuôi	2019	2020				
254.		Tổ yến thành phẩm – Yêu cầu chung	Xây dựng mới Thực tế quản lý sản xuất của HIệp hội nhà yến	Hiệp hội Yến sào Việt Nam	2019	2020				
255.		Nhà nuôi chim yến - Yêu cầu chung	Xây dựng mới Thực tế quản lý sản xuất của HIệp hội nhà yến	Hiệp hội Yến sào Việt Nam	2019	2020				
Thú y										
256.		Quy trình chẩn đoán bệnh động vật - Bệnh Viêm não Nhật Bản (Japanese encephalitis)	Chấp nhận TCNN OIE	Chi cục Thú y Vùng II	2019	2020				
257.		Bệnh Viêm phổi, màng phổi truyền nhiễm của bò (Bovine contagious pleuroneumonia)	Chấp nhận TCNN OIE	Chi cục Thú y Vùng II	2019	2020				
258.		Bệnh Viêm mũi khí quản truyền nhiễm ở bò (Infectious bovine rhinotracheitis)	Chấp nhận TCNN OIE	Chi cục Thú y Vùng II	2019	2020				
259.		Bệnh Tiêu chảy có màng nhày do vi rút ở bò	Chấp nhận TCNN OIE	Chi cục Thú y Vùng II	2019	2020				

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		(Bovine viral diarrhoea/mucosal disease)							
260.		Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán - Phần ...Bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm	Rà soát TCVN 8710-6:2012	Cơ quan thú y vùng 6	2019	2020			
261.		Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán - Phần ...Bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu	Xây dựng mới Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng OIE	Cơ quan thú y vùng 6	2019	2020			
262.		Bệnh thủy sản – Quy trình chẩn đoán - Phần ...:Bệnh do vi khuẩn streptococcus galactiae	Xây dựng mới Tài liệu làm chính làm căn cứ xây dựng OIE	Cơ quan thú y vùng 6	2019	2020			
Kiểm nghiệm vắc xin									
263.		Vắc xin vô hoạt phòng bệnh do Circo virus gây ra ở lợn	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I	2019	2020			
264.		Vắc xin phòng bệnh Marek ở gà	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I	2019	2020			
265.		Vắc xin phòng bệnh PED ở lợn	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I	2019	2020			
266.		Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng ở trâu bò	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				thú y Trung ương I					
267.		Vắc xin phòng bệnh Tu huyết trùng và Đổng đầu lợn	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I	2019	2020			
268.		Vắc xin phòng bệnh do Leptospira gây ra ở lợn	Chấp nhận TCNN Asean	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I	2019	2020			
269.		Thuốc thú y - Lấy mẫu	Chấp nhận TCNN Asean	Cục Thú y	2019	2020			
270.		Lưu giữ mẫu chẩn đoán xét nghiệm	Chấp nhận TCNN Asean	Cục Thú y	2019	2020			
Thủy lợi									
271.		Công trình thủy lợi - Khớp nối - Phần 1. Yêu cầu thiết kế	Rà soát, sửa đổi TCVN 9159:2012	Tổng công ty Tư vấn XD TL Việt Nam - CTCP	2019	2020			
272.		Công trình thủy lợi - Khớp nối - Phần 2. Yêu cầu trong thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Tổng công ty Tư vấn XD TL Việt Nam - CTCP	2019	2020			
273.		Công trình thủy lợi - Tường hào Bentonite chống thấm nền Phần 1. Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới	Trường Đại học thủy lợi	2019	2020			
274.		Công trình thủy lợi - Tường hào Bentonite chống thấm nền Phần 2. Yêu cầu trong thi công và	Xây dựng mới	Trường Đại học thủy lợi	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đôi tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nghiệm thu							
275.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu khoan phụt vào nền đất và thân đập (bao gồm cả 1 nút và 2 nút)	Xây dựng mới	Công ty Tư vấn XD TL 2 (HEC 2)	2019	2020			
276.		Hệ thống thủy lợi - Yêu cầu về quan trắc, giám sát và dự báo chất lượng nước	Rà soát, sửa đổi TCVN 8367:2010, bổ sung vùng cửa sông ven biển, ĐBSCL	Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam	2019	2020			
277.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê biển	Rà soát, sửa đổi TCVN 9901:2014	Trung tâm chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai	2019	2020			
278.		Công trình thủy lợi - Sử dụng tro bay trong vữa bê tông thủy công - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Cục Quản lý xây dựng công trình	2019	2020			
279.		Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế	Rà soát sửa đổi TCVN 4253:2012	Trường Đại học thủy lợi	2019	2020			
280.		Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng trạm bơm điện	Rà soát sửa đổi TCVN 8417:2011	Viện Bơm và Thiết bị thủy lợi - Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đổi trọng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
281.		Công trình thủy lợi - Máy bơm nước - Yêu cầu kỹ thuật lắp đặt và nghiệm thu	Rà soát sửa đổi TCVN 8637:2011, TCVN 8638:2011	Viện Bơm và Thiết bị thủy lợi - Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam	2019	2020			
282.		Công trình thủy lợi - Trạm bơm tưới tiêu nước - Yêu cầu thiết kế	Rà soát sửa đổi TCVN 8423:2011	Trường Đại học thủy lợi	2019	2020			
283.		Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế	Rà soát sửa đổi TCVN 4118:2012	Trường Đại học thủy lợi	2019	2020			
Thủy sản									
284.		Bộ tiêu chuẩn lồng bẫy khai thác hải sản	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Hải Sản	2019	2020			
285.		Giống cá nước ngọt (cá thát lát còm, cá lăng đuôi đỏ, cá ét mọi, cá trê vàng, cá chạch bùn) - Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Trường Đại học Nha Trang	2019	2020			
286.		Nước nuôi tôm nước lợ - yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III	2019	2020			
287.		Vật liệu ngư cụ - Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I	2019	2020			
Lâm nghiệp									
288.		Ván lạng. Yêu cầu kỹ thuật chung.	Chấp nhận các TC GOST có sửa chữa bổ sung	Trường Đại học Lâm nghiệp	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
289.		Gỗ biến tính – Tiêu chuẩn xác định	Chấp nhận TCASTMD 1324-60 (reapproved 1977) có bổ sung	Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng - Viện KHLN Việt Nam	2019	2020			
290.		Giống cây lâm nghiệp - Phần 4. Nhóm loài cây thân gỗ lấy dầu, nhựa.	Xây dựng mới	Trung tâm nghiên cứu Lâm sản ngoài gỗ - Viện KHLN Việt Nam	2019	2020			
291.		Giống cây lâm nghiệp – Vườn cây đầu dòng: Phần 2. Các loài cây thân gỗ lấy quả, hạt.	Xây dựng mới	Viện nghiên cứu giống và CNSH Lâm nghiệp - Viện KHLN Việt Nam	2019	2020			
292.		Giống cây lâm nghiệp – Cây bản địa gỗ lớn: Phần 10. Sa mộc	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Lâm sinh - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
293.		Giống cây lâm nghiệp – Cây bản địa gỗ lớn Giống cây lâm nghiệp – Cây bản địa gỗ lớn Phần 12. Tách	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Lâm sinh - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
294.		Giống cây lâm nghiệp – Cây bản địa gỗ lớn Phần 13. Tổng quá sử	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Lâm sinh - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
295.		Giống cây lâm nghiệp – Cây bản địa gỗ lớn Phần 14. Trám đen	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Lâm sinh - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
296.		Giống cây lâm nghiệp – Cây lâm sản ngoài gỗ: Phần 7. Quế.	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
297.		Giống cây lâm nghiệp – Cây lâm sản ngoài gỗ Phần 10. Bời lời đỏ.	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
298.		Giống cây lâm nghiệp – Cây trồng rừng ven biển: Phần 1. Phi lao.	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
299.		Giống cây lâm nghiệp – Cây trồng rừng ven biển: Phần 2. Xoan chịu hạn (Neem)	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
300.		Giống cây lâm nghiệp – ngập mặn: Phần 2. Trang	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
301.		Giống cây lâm nghiệp – ngập mặn: Phần 5. Đước.	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
302.		Rừng trồng-Nhóm các loài cây trồng rừng ven biển-Yêu cầu lập địa: Phần 1: Phi lao	Xây dựng mới	Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
303.		Rừng trồng-Nhóm các loài cây trồng rừng ven	Xây dựng mới	Viện Khoa Học Lâm nghiệp	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		biên-Yêu cầu lập địa: Phần 2: Xoan chịu hạn (Neem)		Việt Nam					
304.		Mẫu khoá ảnh phục vụ giải đoán xây dựng bản đồ hiện trạng rừng – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện Điều tra Quy hoạch rừng	2019	2020			
305.		Giống cây lâm nghiệp - Lâm phần tuyển chọn lấy giống.	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu giống và CNSH - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
306.		Giống cây lâm nghiệp - Vườn ươm cây lâm nghiệp	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu giống và CNSH - Viện KH Lâm nghiệp Việt Nam	2019	2020			
307.		Công trình phòng chống cháy rừng - Phần x. Chòi canh lửa Phần xx. Biển báo	Xây dựng mới	Viện Sinh thái rừng và Môi trường - Trường ĐHLN	2019	2020			
308.		Chuồng nuôi nhốt các loài thú dữ	Xây dựng mới	Cơ quan CITES Việt Nam	2019	2020			
Cơ điện nông nghiệp									
309.		Máy nông lâm nghiệp sử dụng động cơ đốt trong - Phương pháp thử rung động tại tay cầm	Xây dựng mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2019	2020			
310.		Máy nông lâm nghiệp sử dụng động cơ đốt trong -	Xây dựng mới	Cục Kinh tế hợp	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phương pháp thử độ ồn		tác và PTNT					
311.		Máy nông lâm nghiệp - Máy cắt cỏ cầm tay sử dụng động cơ đốt trong - Yêu cầu an toàn	Xây dựng mới	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	2019	2020			
Nông sản thực phẩm									
312.		Sản củ tươi - Xác định điểm bột	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu nước ngoài	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
313.		Đường trắng	Rà soát, bổ sung TCVN 6959:2001, TCVN 4840:1989, TCVN 7270:2003	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
314.		Đường thô	Rà soát TCVN 6961: 2001, TCVN 4840:1989, TCVN 7270:2003	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
315.		Đường tinh luyện	Rà soát TCVN 6958: 2001, TCVN 4840:1989, TCVN 7270:2003	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
316.		Hạt điều rang	Xây dựng mới	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
317.		Cùi nhãn sấy khô	CODEX STAN	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
318.		Gạo đồ	CODEX STAN và TC	Cục Chế biến và	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			của Thái Lan	Phát triển thị trường nông sản					
319.		Muối thực phẩm	Rà soát, bổ sung QCVN 9 - 1:2011/BYT	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			
320.		Muối tinh	Soát xét TCVN 9639:2013	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2019	2020			

IX- BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Công nghệ thông tin

321.		Giao thức Internet phiên bản 6 (IPv6) - Thuật ngữ và định nghĩa	Tự xây dựng trên cơ sở các tài liệu của RFC	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Viện KHKT Bưu điện)	2019	2020			
322.		Thuật ngữ, định nghĩa cho Internet vạn vật (IoT)	Xây dựng trên cơ sở các tài liệu ITU-T Y.2069; ISO/IEC CD 20924 và tài liệu "Towards a Definition of the Internet of Things" của IEEE.	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Viện KHKT Bưu điện)	2019	2020			
323.		Kiến trúc tham chiếu cho Internet vạn vật (IoT)	Xây dựng trên cơ sở các tài liệu ISO/IEC CD 30141:20160910(E)	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			(2016)	(Viện KHKT Bưu điện)					
324.		Internet vạn vật (IoT) - Các yêu cầu chung	Xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn ITU-T Y.4100/ Y.2066 (06-2014) của ITU-T	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Viện KHKT Bưu điện)	2019	2020			
325.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – An toàn ứng dụng - Phần 1: Tổng quan và khái niệm	Xây dựng trên cơ sở ISO/IEC 27034-1 và ISO/IEC 27034-1/Cor 1: 2014	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Viện KHKT Bưu điện)	2019	2020			
326.		Kiến trúc tham chiếu cho các giải pháp kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA)	Xây dựng trên cơ sở ISO/IEC 18384 :2016	Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông	2019	2020			
<u>X. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</u>									
Nhôm và hợp kim nhôm									
327.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Lá, tấm cắt và tấm – Phần 1: Điều kiện kỹ thuật để kiểm tra và cung cấp	Chấp nhận ISO 6361-1:2011	TCVN/TC 79 Kim loại màu và hợp kim	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
328.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Lá, tấm cắt và tấm – Phần 2: Tính chất cơ lý	Chấp nhận ISO 6361-2:2014	nt	2019	2020			
329.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Lá, tấm cắt và tấm – Phần 3: Tấm cắt: dung sai kích thước và hình dạng	Chấp nhận ISO 6361-3:2014	nt	2019	2020			
330.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Lá, tấm cắt và tấm – Phần 4: Lá và tấm: Dung sai kích thước và hình dạng	Chấp nhận ISO 6361-4:2014	nt	2019	2020			
331.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Lá, tấm cắt và tấm – Phần 5: Thành phần hóa học	Chấp nhận ISO 6361-5:2011	nt	2019	2020			
332.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội – Phần 1: Điều kiện kỹ thuật kiểm tra và cung cấp	Chấp nhận ISO 6363-1:2012	nt	2019	2020			
333.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội – Phần 2: Tính chất cơ lý	Chấp nhận ISO 6363-2:2012	nt	2019	2020			
334.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội –	Chấp nhận ISO 6363-3:2012	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 3: Thanh và dây tròn vuốt – dung sai hình dạng và kích thước							
335.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội – Phần 4: Thanh và dây chữ nhật vuốt – Dung sai hình dạng và kích thước	Chấp nhận ISO 6363-4:2012	nt	2019	2020			
336.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội – Phần 5: Thanh, dây vuông, lục giác – Dung sai hình dạng và kích thước	Chấp nhận ISO 6363-5:2012	nt	2019	2020			
337.		Nhôm rèn và hợp kim nhôm – Thanh, ống và dây kéo vuốt nguội – Phần 6: Ống tròn vuốt – Dung sai hình dạng và kích thước	Chấp nhận ISO 6363-6:2012	nt	2019	2020			
Thép hình									
338.		Thép hình cán nóng – Phần 1: Thép góc cạnh đều	Tham khảo ISO 657-1, JIS G 3192:2014 KS D 3502:2015	TCVN/TC 17 <i>Thép</i>	2019	2020			
339.		Thép hình cán nóng – Phần 2: Thép góc cạnh không đều	Tham khảo ISO 657-2, JIS G 3192:2014, KS D 3502:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
340.		Thép hình cán nóng – Phần 11: Thép chữ C	Tham khảo ISO 657-11, JIS G 3192:2014, KS D 3502:2015	nt	2019	2020			
341.		Thép hình cán nóng – Phần 21: Thép chữ T	Tham khảo ISO 657-21, JIS G 3192:2014, KS D 3502:2015	nt	2019	2020			
Máy lạnh và điều hòa không khí									
342.		Máy điều hòa không khí và bơm nhiệt không ống gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 5151:2017	TCVN/TC 86 <i>Máy lạnh</i>	2019	2020			
343.		Máy điều hòa không khí và bơm nhiệt gió-gió có ống gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 13253:2017	nt	2019	2020			
344.		Hệ thống điều hòa nhiều cục và bơm nhiệt gió-gió – Thử và đánh giá tính năng	Chấp nhận ISO 15042:2017	nt	2019	2020			
345.		Tháp giải nhiệt bằng nước – Thử và đánh giá tính năng nhiệt	Chấp nhận ISO 16345:2014	nt	2019	2020			
Palét									
346.		Palét nâng chuyên xếp dỡ hàng hóa – Từ vụn	Chấp nhận ISO 445:2013	TCVN/TC 51 <i>Pallet dùng để vận chuyển hàng hóa</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
347.		Palét nâng chuyên xếp dỡ hàng hóa – Palét phẳng – Phần 4: Quy trình dùng để dự đoán các phản hồi đảo trong các phép thử độ cứng vững cho palet bằng nhựa sử dụng các phân tích hồi quy	Chấp nhận ISO/TS 8611-4:2013	nt	2019	2020			
348.		Palét nâng chuyên xếp dỡ hàng hóa – Chất lượng của các bộ phận bằng gỗ mới dùng cho palet phẳng	Chấp nhận ISO 18333:2014	nt	2019	2020			
349.		Palét hộp – Yêu cầu chính và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 13194:2011	nt	2019	2020			
350.		Palét nâng chuyên xếp dỡ hàng hóa – Chất lượng của các chi tiết lắp siết dùng để lắp ráp mới và sửa chữa các palet phẳng bằng gỗ	Chấp nhận ISO 15629:2002	nt	2019	2020			
351.		Palét nâng chuyên xếp dỡ hàng hóa – Sửa chữa các palet phẳng bằng gỗ	Chấp nhận ISO 18613:2014	nt	2019	2020			
Phương tiện Giao thông đường bộ									
352.		Phương tiện giao thông đường bộ – Tấm phản quang lắp trên phương tiện cơ giới và moóc – Yêu cầu và phương pháp	Tham khảo ECE 3	TCVN/TC 22 <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thử trong phê duyệt kiểu							
353.		Phương tiện giao thông đường bộ – Trưng thích điện tử của mô tô, xe máy và các bộ phận kỹ thuật điện hoặc điện tử sử dụng riêng – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 10	nt	2019	2020			
354.		Phương tiện giao thông đường bộ – Đèn sợi đốt trong các đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu của phương tiện cơ giới và moóc – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 37	nt	2019	2020			
355.		Phương tiện giao thông đường bộ – Đèn vị trí trước, đèn vị trí sau, đèn phanh, đèn báo rẽ và đèn biển số sau của mô tô, xe máy – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo UNR 50	nt	2019	2020			
356.		Phương tiện giao thông đường bộ – Lắp đặt các đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu trên mô tô – Yêu cầu trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 53	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
357.		Phương tiện giao thông đường bộ – Thiết bị bảo vệ chống sử dụng không được phép mô tô, xe máy hai bánh hoặc ba bánh – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 62	nt	2019	2020			
358.		Phương tiện giao thông đường bộ – Hệ thống dẫn động điện – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 100	nt	2019	2020			
359.		Phương tiện giao thông đường bộ – Xe cơ giới và các tổng thành liên quan đến an toàn của phương tiện sử dụng nhiên liệu hydro (HFCV) – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 134	nt	2019	2020			
360.		Phương tiện giao thông đường bộ – Hệ thống dẫn động điện cho xe loại L (mô tô) – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 136	nt	2019	2020			
361.		Phương tiện giao thông đường bộ – Yêu cầu về độ ồn của loại phương tiện vận hành ít gây tiếng ồn –	Tham khảo ECE 138	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu							
362.		Phương tiện giao thông đường bộ – Khí thải gây ô nhiễm phát ra từ mô tô (mức 4) – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 168-2013	nt	2019	2020			
Phương tiện Giao thông đường bộ – Xe điện									
363.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 1: Hệ thống tích trữ năng lượng có thể nạp trên xe.	Chấp nhận ISO 6469-1:2009	TCVN/TC 22 <i>Phương tiện giao thông đường bộ</i>	2019	2020			
364.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 2: Các biện pháp an toàn vận hành và bảo vệ khi có lỗi.	Chấp nhận ISO 6469-2:2018	nt	2019	2020			
365.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Yêu cầu an toàn – Phần 3: Bảo vệ người chống điện giật	Chấp nhận ISO 6469-3:2011	nt	2019	2020			
366.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện – Kết nối với nguồn cung cấp điện bên ngoài – Yêu cầu an toàn	Chấp nhận ISO 17409:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
367.		Mô tô và xe máy điện – Đặc tính an toàn	Chấp nhận ISO 13063:2012	nt	2019	2020			
368.		Mô tô và xe máy điện – Đặc tính và yêu cầu an toàn đối với hệ thống pin lithium-ion.	Chấp nhận ISO 18243:2017	nt	2019	2020			
369.		Mô tô và xe máy điện – Yêu cầu an toàn đối với bộ nối dẫn điện đến nguồn cung cấp điện bên ngoài.	Chấp nhận ISO 18246:2015	nt	2019	2020			
370.		Mô tô và xe máy điện – Tính năng – Phần 1: Mức tiêu hao năng lượng và dải/phạm vi	Chấp nhận ISO 13064-1:2012	nt	2019	2020			
371.		Mô tô và xe máy điện – Tính năng – Phần 2: Đặc tính chạy trên đường	Chấp nhận ISO 13064-2:2012	nt	2019	2020			
372.		Phương tiện giao thông đường bộ-Thiết bị chuyển mạch điện/điện tử – Phần 1: Role và đèn chớp	Chấp nhận ISO 7588-1:1998	nt	2019	2020			
373.		Phương tiện giao thông đường bộ – Thiết bị chuyển mạch điện / điện tử – Phần 2: Thiết bị điện tử	Chấp nhận ISO 7588-2:1998	nt	2019	2020			
374.		Phương tiện giao thông đường bộ – Thiết bị chuyển mạch điện / điện tử – Phần 3: Role	Chấp nhận ISO 7588-3:1998	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thang máy									
375.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – Thang máy chở người và chở hàng – Phần 21: Thang máy mới chở người, thang máy mới chở người và hàng trong các toàn nhà đang sử dụng.	Chấp nhận EN 81-21:2016	TCVN/TC 178 <i>Thang máy, thang cuốn và băng tải chở người</i>	2019	2020			
376.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – Thang máy chở người và hàng – Phần 22: Thang máy điện với đường nghiêng	Chấp nhận EN 81-22:2014	nt	2019	2020			
377.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – Phần 31: Thang máy chuyên dùng chở hàng	Chấp nhận EN 81-31:2010	nt	2019	2020			
378.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – Thang máy chở người và hàng – Phần 43: Thang máy cho cần cầu	Chấp nhận EN 81-43:2009	nt	2019	2020			
379.		Thang cuốn và băng tải chở người – Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt	Chấp nhận EN 115-1:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp									
380.		Máy kéo nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 1: Thử công suất của trục trích công suất	Chấp nhận ISO 789-1:2018	TCVN/TC 23 <i>Máy kéo và máy làm đất sử dụng trong nông lâm nghiệp</i>	2019	2020			
381.		Máy kéo nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 2: Khả năng nâng của cơ cấu treo 3 điểm phía sau	Chấp nhận ISO 789-2:2018	nt	2019	2020			
382.		Máy kéo nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 3: Đường kính quay vòng và đường kính thông qua	Chấp nhận ISO 789-3:2015	nt	2019	2020			
383.		Máy kéo nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 9: Công suất kéo	Chấp nhận ISO 789-9:2018	nt	2019	2020			
384.		Máy kéo nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 10: Công suất thủy lực tại mặt phân giới máy kéo và công cụ	Chấp nhận ISO 789-10:2006	nt	2019	2020			
385.		Máy kéo bánh hơi nông nghiệp – Phương pháp thử – Phần 13: Chỗ ngồi của người lái máy – Đo rung động trong điều kiện phòng thí nghiệm	Chấp nhận ISO 789-13:2018	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
386.		Máy kéo dùm trong nông nghiệp – Yêu cầu, phương pháp thử và điều kiện nghiệm thu đối với phạm vi quan sát của người vận hành – Phần 1: Phạm vi quan sát phía trước	Chấp nhận ISO 5721-1:2013	nt	2019	2020			
387.		Máy kéo dùm trong nông nghiệp – Yêu cầu, phương pháp thử và điều kiện nghiệm thu đối với phạm vi quan sát của người vận hành – Phần 2: Phạm vi quan sát phía sau	Chấp nhận ISO 5721-2:2014	nt	2019	2020			
388.		Máy kéo nông lâm nghiệp – Loại cơ bản – Từ vựng	Chấp nhận ISO 12934:2013	nt	2019	2020			
389.		Máy dùm trong lâm nghiệp – Xe chạy bánh chuyên dụng – Từ vựng – Phương pháp thử tính năng và chỉ tiêu cho hệ thống phanh	Chấp nhận ISO 11169:1993	nt	2019	2020			
Máy làm đất									
390.		Máy làm đất – Máy ủi – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 6747:2013	TCVN/TC 127 <i>Máy làm đất</i>	2019	2020			
391.		Máy làm đất – Máy xúc – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7131:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
392.		Máy làm đất – Máy đổ đất – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7132:2003	nt	2019	2020			
393.		Máy làm đất – Máy nạo đất – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7133:2013	nt	2019	2020			
394.		Máy làm đất – Máy vun đất – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7134:2013	nt	2019	2020			
395.		Máy làm đất – Máy xúc thủy lực – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7135:2009	nt	2019	2020			
396.		Máy làm đất – Máy đào tự hành – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 7136:2006	nt	2019	2020			
397.		Máy làm đất – Máy đầm lăn – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 8811:2000	nt	2019	2020			
398.		Máy làm đất – Máy xúc hai đầu – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 8812:2016	nt	2019	2020			
399.		Máy làm đất – Máy xẻ đất – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 13539:1998	nt	2019	2020			
400.		Máy làm đất – Máy đào dùng cáp – Thuật ngữ và yêu cầu thương mại	Chấp nhận ISO 15219:2004	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Robotic									
401.		Robot và thiết bị robot – Yêu cầu an toàn cho robot công nghiệp – Phần 1: Robot	Chấp nhận ISO 10218-1:2011	TCVN/TC 299 <i>Robot</i>	2019	2020			
402.		Robot và thiết bị robot – Yêu cầu an toàn cho robot công nghiệp – Phần 2: Hệ thống robot và tích hợp	Chấp nhận ISO 10218-2:2011	nt	2019	2020			
403.		Vận hành robot công nghiệp – Hệ thống tự thay dụng cụ – Từ vựng và các biểu thị đặc trưng	Chấp nhận ISO 11593:1996	nt	2019	2020			
404.		Robot và thiết bị robot – Yêu cầu an toàn cho người bảo dưỡng robot	Chấp nhận ISO 13482:2014	nt	2019	2020			
405.		Robot và robot công nghiệp – Từ vựng	Chấp nhận ISO 8373:2012	nt	2019	2020			
Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện									
406.		Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 1: Giới thiệu và tổng quan	Chấp nhận IEC 62321-1:2013	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2019	2020			
407.		Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 2: Tháo dỡ, ngắt liên kết và chuẩn bị mẫu	Chấp nhận IEC 62321-2:2013	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
408.		Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 3-1: Kiểm tra nhanh – Chì, thủy ngân, cadmi, crom tổng và brom tổng sử dụng phổ kế X quang	Chấp nhận IEC 62321-3-1:2013	nt	2019	2020			
409.		Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 3-2: Kiểm tra nhanh – Brom tổng trong polyme và thiết bị điện tử bằng cách đốt – Sắc ký ion	Chấp nhận IEC 62321-3-2:2013	nt	2019	2020			
410.		Xác định một số chất trong sản phẩm kỹ thuật điện – Phần 4: Thủy ngân trong polyme, kim loại và thiết bị điện tử bằng CV-AAS, CV-AFS, ICO-OES và ICP-MS	Chấp nhận IEC 62321-4:2013 & amd 1:2017 csv	nt	2019	2020			
Pin/acquy sơ cấp									
411.		Pin/acquy sơ cấp – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 60086-1:2015	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2019	2020			
412.		Pin/acquy sơ cấp – Phần 2: Quy định kỹ thuật về điện và vật lý	Chấp nhận IEC 60086-2:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
413.		Pin/acquy sơ cấp – Phần 3: Pin dùng cho đồng hồ	Chấp nhận IEC 60086-3:2016	nt	2019	2020			
414.		Pin/acquy sơ cấp – Phần 4: An toàn của pin lithium	Chấp nhận IEC 60086-4:2014	nt	2019	2020			
415.		Pin/acquy sơ cấp – Phần 5: An toàn của pin lithium có chứa chất điện phân lỏng	Chấp nhận IEC 60086-5:2016	nt	2019	2020			
Đèn LED chiếu sáng đường phố									
416.		Đèn LED chiếu sáng đường phố – Hiệu suất năng lượng	Tự xây dựng	TCVN/TC/E11 <i>Chiếu sáng</i>	2019	2020			
417.		Đèn điện – Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể – Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	Chấp nhận IEC 60598-2-3:2002+Amd1:2011 CSV	nt	2019	2020			
Dây và cáp điện									
418.		Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 62893-1:2017	TCVN/TC/E4 <i>Dây và cáp điện</i>	2019	2020			
419.		Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV –Phần 2: Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 62893-2:2017	nt	2019	2020			
420.		Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV –Phần 3:	Chấp nhận IEC 62893-3:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Cáp dùng để sạc điện xoay chiều theo chế độ 1, 2 và 3 của IEC 61851-1 với điện áp danh định đến và bằng 450/750 V							
421.		Cáp điện dùng cho hệ thống quang điện có thông số điện áp 1,5 kV một chiều	Chấp nhận IEC 62930:2017	nt	2019	2020			
Phương pháp đo các đại lượng của thiết bị năng lượng mặt trời									
422.		Thiết bị quang điện – Phần 1: Đo đặc tính dòng điện-điện áp của thiết bị quang điện	Chấp nhận IEC 60904-1:2006	TCVN/TC/E13 <i>Năng lượng tái tạo</i>	2019	2020			
423.		Thiết bị quang điện – Phần 1-1: Đo đặc tính dòng điện-điện áp của các thiết bị quang điện có cấu trúc chuyển tiếp đa tầng	Chấp nhận IEC 60904-1-1:2017	nt	2019	2020			
424.		Thiết bị quang điện – Phần 2: Yêu cầu đối với thiết bị quang điện chuẩn	Chấp nhận IEC 60904-2:2015	nt	2019	2020			
425.		Thiết bị quang điện – Phần 3: Nguyên lý đo dùng cho thiết bị quang điện mặt đất có dữ liệu bức xạ phổ chuẩn	Chấp nhận IEC 60904-3:2016	nt	2019	2020			
426.		Thiết bị quang điện – Phần 4: Thiết bị mặt trời	Chấp nhận IEC 60904-4:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chuẩn – Quy trình thiết lập truy nguyên hiệu chuẩn							
427.		Thiết bị quang điện – Phần 5: Xác định nhiệt độ tế bào tương đương (ECT) của thiết bị quang điện bằng phương pháp điện áp mạch hở	Chấp nhận IEC 60904-5:2011	nt	2019	2020			
428.		Thiết bị quang điện – Phần 7: Tính toán hệ số hiệu chỉnh sự không phù hợp phổ dùng cho các phép đo thiết bị quang điện	Chấp nhận IEC 60904-7:2008	nt	2019	2020			
429.		Thiết bị quang điện – Phần 8: Đo đáp tuyến phổ của thiết bị quang điện (PV)	Chấp nhận IEC 60904-8:2014	nt	2019	2020			
430.		Thiết bị quang điện – Phần 8-1: Đo đáp tuyến phổ của thiết bị quang điện có cấu trúc chuyên tiếp đa tầng	Chấp nhận IEC 60904-8-1:2017	nt	2019	2020			
431.		Thiết bị quang điện – Phần 9: Yêu cầu tính năng của bộ mô phỏng mặt trời	Chấp nhận IEC 60904-9:2007	nt	2019	2020			
432.		Thiết bị quang điện – Phần 10: Phương pháp đo độ tuyến tính	Chấp nhận IEC 60904-10:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thiết bị hệ thống quang điện									
433.		Bộ nghịch lưu quang điện – Dữ liệu và thông số	Chấp nhận IEC 62894:2016	TCVN/TC/E13 <i>Năng lượng tái tạo</i>	2019	2020			
434.		Hệ thống quang điện – Bộ ổn định công suất – Quy trình đo hiệu suất	Chấp nhận IEC 61683:1999	nt	2019	2020			
435.		Hộp kết nối dùng cho môđun quang điện – Yêu cầu an toàn và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 62790:2014	nt	2019	2020			
436.		Dàn quang điện (PV) – Yêu cầu về thiết kế	Chấp nhận IEC 62548:2016	nt	2019	2020			
437.		Dàn quang điện (PV) – Phép đo đặc tính dòng điện-điện áp tại hiện trường	Chấp nhận IEC 61829:2015	nt	2019	2020			
Linh kiện bán dẫn									
438.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 19: Độ bền cắt của khuôn	Chấp nhận IEC 60749-19:2010	TCVN/TC/E3 <i>Thiết bị điện tử dân dụng</i>	2019	2020			
439.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 23: Tuổi thọ làm việc ở nhiệt độ cao	Chấp nhận IEC 60749-23:2004+AMD1:2011 CSV	nt	2019	2020			
440.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60749-26:2018	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Cơ khí và khí hậu – Phần 26: Thử nghiệm độ nhạy với phóng tĩnh điện (ESD) – Mô hình cơ thể người (HBM)							
441.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí – Phần 35: Thử nghiệm soi âm cho linh kiện điện tử bao kín bằng nhựa	Chấp nhận IEC 60749-35:2006	nt	2019	2020			
442.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 38: Phương pháp kiểm tra lỗi mềm cho các linh kiện bán dẫn có bộ nhớ	IEC 60749-38:2008	nt	2019	2020			
443.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 39: Đo độ khuếch tán ẩm và nước hòa tan trong các vật liệu hữu cơ sử dụng cho linh kiện bán dẫn	Chấp nhận IEC 60749-39:2006	nt	2019	2020			
444.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ học và khí hậu – Phần 43: Hướng dẫn về kế hoạch chất lượng độ tin cậy IC	Chấp nhận IEC 60749-43:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
445.		Linh kiện bán dẫn – Phương pháp thử nghiệm cơ khí và khí hậu – Phần 44: Phương pháp thử nghiệm ảnh hưởng tác động duy nhất của chùm tia chiếu xạ neutron cho các linh kiện bán dẫn	Chấp nhận IEC 60749-44:2016	nt	2019	2020			
Tụ điện sử dụng trong thiết bị điện tử									
446.		Tụ điện không đổi dùng trong thiết bị điện tử – Phần 1: Quy định kỹ thuật chung	Chấp nhận IEC 60384-1:2016	TCVN/TC/E3 <i>Thiết bị điện tử dân dụng</i>	2019	2020			
447.		Tụ điện không đổi để sử dụng trong các thiết bị điện tử – Phần 9: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện không đổi bằng điện môi gốm, Cấp 2	Chấp nhận IEC 60384-9:2015	nt	2019	2020			
448.		Tụ điện không đổi để sử dụng trong các thiết bị điện tử – Phần 11: Quy định kỹ thuật từng phần – Tụ điện không đổi dòng điện một chiều lá kim loại mỏng điện môi màng mỏng polyethylene-terephthalate	Chấp nhận IEC 60384-11:2008	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
449.		Tụ điện không đôi để sử dụng trong các thiết bị điện tử – Phần 13: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện không đôi dòng điện một chiều lá kim loại mỏng điện môi màng mỏng polypropylene	Chấp nhận IEC 60384-13:2011	nt	2019	2020			
450.		Tụ điện cố định để sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 14: Quy định kỹ thuật từng phần – Tụ điện cố định cho việc ngăn chặn nhiễu điện từ và kết nối với nguồn cung cấp	Chấp nhận IEC 60384-14:2013	nt	2019	2020			
451.		Tụ điện cố định sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 15: Quy định kỹ thuật từng phần: Các tụ điện tantali tụ cố định với chất điện phân không rắn hoặc rắn	Chấp nhận IEC 60384-15:2017	nt	2019	2020			
452.		Tụ điện cố định để sử dụng trong thiết bị điện tử – Phần 18: Quy định kỹ thuật từng phần – Các tụ nhôm gắn cố định bằng nhôm điện phân với chất rắn (MnO ₂) và chất rắn không rắn	Chấp nhận IEC 60384-18:2016	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
453.		Tụ điện cố định để sử dụng trong các thiết bị điện tử – Phần 19: Quy định kỹ thuật từng phần: Tụ điện cố định dòng điện một chiều điện môi màng kim loại terephthalate	Chấp nhận IEC 60384-19:2015	nt	2019	2020			
Tương thích điện từ									
454.		Từ vựng kỹ thuật điện quốc tế – Phần 161: Tương thích điện từ	Chấp nhận IEC 60050-161:1990; amd 1:1997; amd 2:1998; amd 3:2014; amd 4:2014; amd 5:2015; amd 6:2016 và amd 7:2017	TCVN/TC/E9 <i>Tương thích điện từ</i>	2019	2020			
455.		Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung – Yêu cầu về miễn nhiễm EMC Equipment for general lighting purposes – EMC immunity requirements	Chấp nhận IEC 61547:2009	nt	2019	2020			
456.		Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung – Yêu cầu về miễn nhiễm EMC – Phần 1: Máy đo chớp sáng và phương pháp thử nghiệm miễn nhiễm giao động điện áp	Chấp nhận IEC TR 61547-1:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
457.		Tương thích điện từ (EMC) – Phần 6-1: Tiêu chuẩn chung – Miễn nhiệm trong môi trường chiếu sáng khu dân cư, thương mại và công nghiệp	Chấp nhận IEC 61000-6-1:2016	nt	2019	2020			
Lưới điện thông minh									
458.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực – Phần 7-1: Cấu trúc truyền thông cơ bản – Nguyên tắc và mô hình	Chấp nhận IEC 61850-7-1:2011	TCVN/TC/E12 <i>Lưới điện thông minh</i>	2019	2020			
459.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực – Phần 7-2: Cấu trúc thông tin và truyền thông cơ bản – Giao tiếp dịch vụ truyền thông trừu tượng	Chấp nhận IEC 61850-7-2:2010	nt	2019	2020			
460.		Mạng và hệ thống truyền thông trong tự động hóa của công ty điện lực – Phần 7-3: Cấu trúc truyền thông cơ bản – Lớp dữ liệu chung	Chấp nhận IEC 61850-7-3:2010	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
An toàn máy biến áp điện lực									
461.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phận kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-1: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp có cuộn phân ly và bộ nguồn có lắp máy biến áp có cuộn phân ly dùng cho các ứng dụng chung	Chấp nhận IEC 61558-2-1:2007	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2019	2020			
462.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phận kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-2: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp điều khiển và bộ nguồn có lắp máy biến áp điều khiển	Chấp nhận IEC 61558-2-2:2007	nt	2019	2020			
463.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phận kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-3: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp môi dùng cho mỏ đốt sử dụng khí hoặc dầu	Chấp nhận IEC 61558-2-3:2010	nt	2019	2020			
464.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ	Chấp nhận IEC 61558-2-5:2010	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phản kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-5: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp dùng cho dao cạo râu, bộ nguồn dùng cho dao cạo râu và bộ nguồn của dao cạo râu							
465.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phản kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-7: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp và bộ nguồn dùng cho đồ chơi	Chấp nhận IEC 61558-2-7:2007	nt	2019	2020			
466.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phản kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-8: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp và bộ nguồn dùng cho chuông cửa và ống khói	Chấp nhận IEC 61558-2-8:2010	nt	2019	2020			
467.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phản kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-9: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp và bộ nguồn dùng cho bóng đèn cầm tay cấp III của bóng	Chấp nhận IEC 61558-2-9:2010	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đèn sợi đốt							
468.		An toàn của máy biến áp điện lực, nguồn điện, bộ phản kháng và sản phẩm tương tự – Phần 2-10: Yêu cầu và thử nghiệm cụ thể đối với máy biến áp cách ly có mức cách điện cao và máy biến áp cách ly có điện áp đầu ra lớn hơn 1 000 V	Chấp nhận IEC 61558-2-10:2014	nt	2019	2020			
An toàn máy điện									
469.		An toàn máy điện – Thiết bị điện của máy điện – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 60204-1:2016	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2019	2020			
470.		An toàn máy điện – Thiết bị điện của máy điện – Phần 11: Yêu cầu với thiết bị điện áp cao đối với điện áp trên 1 000 V xoay chiều hoặc 1 500 V một chiều nhưng không vượt quá 36 kV	Chấp nhận IEC 60204-11:2000	nt	2019	2020			
An toàn sản phẩm laser									
471.		An toàn sản phẩm laser – Phần 1: Phân loại thiết bị và yêu cầu	Chấp nhận IEC 60825-1:2014	TCVN/TC/E1 <i>Máy điện và khí cụ điện</i>	2019	2020			
472.		Yêu cầu sản phẩm laser –	Chấp nhận	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 14: Hướng dẫn cho người sử dụng	IEC 60825-14:2004						
Khí thiên nhiên									
473.		Khí thiên nhiên – Phân tích mở rộng – Phương pháp sắc ký khí	Chấp nhận ISO 6975:1997	TCVN/TC193 <i>Sản phẩm khí</i>	2019	2020			
474.		Khí thiên nhiên – Xác định nhiệt trị, khối lượng riêng, khối lượng riêng tương đối và chỉ số Wobbe từ thành phần	Chấp nhận ISO 6976:2016	nt	2019	2020			
475.		Chất lỏng hydrocacbon nhẹ làm lạnh – Lấy mẫu khí thiên nhiên hóa lỏng – Phương pháp liên tục và gián đoạn	Chấp nhận ISO 8943:2007	nt	2019	2020			
476.		Khí thiên nhiên – Xác định các hợp chất lưu huỳnh – Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng bằng phương pháp huỳnh quang tử ngoại	Chấp nhận ISO 20729:2017	nt	2019	2020			
477.		Nhiên liệu dạng khí – Xác định hàm lượng hơi nước bằng phép đo nhiệt độ điểm sương	Chấp nhận ASTM D 1142-95(2012)	nt	2019	2020			
478.		Khí thiên nhiên – Tính trị số metan	Chấp nhận ISO 22302:2014	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Sản phẩm dầu mỡ									
479.		Dầu bôi trơn – Phương pháp xác định các đặc tính tạo bọt	Chấp nhận ASTM D 892-13e1	TCVN/TC 28 <i>Sản phẩm dầu mỡ và dầu bôi trơn</i>	2019	2020			
480.		Dầu bôi trơn – Phương pháp xác định Bari, Canxi, Magie và Kẽm bằng phép đo phổ hấp thụ nguyên tử	Chấp nhận ASTM D 4628 – 16	nt	2019	2020			
481.		Dầu bôi trơn mới và dầu bôi trơn đã qua sử dụng – Phương pháp xác định cặn Pentan bằng màng lọc	Chấp nhận ASTM D 4055 – 02	nt	2019	2020			
482.		Hướng dẫn chuẩn bị hỗn hợp chất lỏng sử dụng làm chuẩn phân tích	Chấp nhận ASTM D 4307-17	nt	2019	2020			
483.		Nhiên liệu phản lực tuốc bin hàng không jet a-1 - Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 6426:2009	nt	2019	2020			
484.		Dầu thô và dầu cặn – Phương pháp xác định điểm sôi các mẫu cặn như dầu thô, cặn khi chưng cất khí quyển và cặn khi chưng cất chân không bằng sắc ký khí nhiệt độ cao	Chấp nhận ASTM D 7169-16	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
485.		Nhiên liệu cát trung bình – Phương pháp xác định các loại hydrocacbon bằng phép đo phổ khối	Chấp nhận ASTM D 2425-17	nt	2019	2020			
486.		Nhiên liệu chưng cất dầu mỏ và nhiên liệu tuốc bin hàng không – Phương pháp xác định các loại hydrocacbon thơm bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao với detector chỉ số khúc xạ	Chấp nhận ASTM D 6379-11	nt	2019	2020			
487.		Dầu khoáng – Phương pháp thử đặc tính oxy hóa	Chấp nhận ASTM D 943-17	nt	2019	2020			
488.		Khí dầu mỏ hóa lỏng và khí hydrocacbon – Xác định lưu huỳnh tổng bằng phương pháp huỳnh quang tử ngoại	Chấp nhận ASTM D 6667-14	nt	2019	2020			
489.		Phương pháp xác định độ khô của propan (phương pháp van freeze)	Chấp nhận ASTM D 2713-15	nt	2019	2020			
Cao su và sản phẩm cao su									
490.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Xác định các tính chất ứng suất-giãn dài khi kéo	Chấp nhận ISO 37:2017	TCVN/TC 45 <i>Cao su và sản phẩm cao su</i>	2019	2020			
491.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo – Độ bền rạn nứt ôzôn	Chấp nhận ISO 1431-3:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Phần 3: Các phương pháp tham khảo và thay thế để xác định nồng độ ozon trong buồng thí nghiệm							
492.		Cao su thiên nhiên thô và cao su tổng hợp thô – Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	Chấp nhận ISO 1795:2017	nt	2019	2020			
493.		Ống và hệ ống mềm cao su và chất dẻo - Thử nghiệm thủy tĩnh	Chấp nhận ISO 1402:2009	nt	2019	2020			
494.		Cao su lưu hoá hoặc nhiệt dẻo - Xác định độ chịu mài mòn sử dụng thiết bị trống quay hình trụ	Chấp nhận ISO 4649:2017	nt	2019	2020			
495.		Cao su thiên nhiên thô – Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI)	Chấp nhận ISO 2930:2017	nt	2019	2020			
496.		Ống mềm cao su và chất dẻo – Đánh giá độ bền ôzôn dưới điều kiện tĩnh	Chấp nhận ISO 7326:2016	nt	2019	2020			
Ván gỗ nhân tạo									
497.		Gỗ xộp composit – Vật liệu chèn khe giãn – Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 3867:2017	TCVN/TC 89 <i>Ván gỗ nhân tạo</i>	2019	2020			
498.		Gỗ xộp kết dính – Vật liệu chèn khe giãn – Yêu cầu kỹ thuật, bao gói và ghi nhãn	Chấp nhận ISO 3869:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
499.		Gỗ xộp composit – Vật liệu đệm – Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 4708:2017	nt	2019	2020			
500.		Gỗ xộp composit – Vật liệu đệm – Hệ thống phân loại, các yêu cầu, lấy mẫu, bao gói và ghi nhãn	Chấp nhận ISO 4709:2017	nt	2019	2020			
501.		Gỗ xộp composit – Yêu cầu kỹ thuật, lấy mẫu, bao gói và ghi nhãn	Chấp nhận ISO 4714:2000	nt	2019	2020			
502.		Gỗ xộp composit – Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 7322:2014	nt	2019	2020			
503.		Tấm lát sàn gỗ xộp kết dính – Xác định kích thước và độ lệch theo độ vuông góc và độ thẳng cạnh	Chấp nhận ISO 9366:2001	nt	2019	2020			
Tinh quặng đồng, chì, kẽm và niken									
504.		Tinh quặng đồng, chì, kẽm và niken – Xác định hao hụt khối lượng của vật liệu chất đồng khi sấy	Chấp nhận ISO 10251:2006	TCVN/TC 102 <i>Quặng sắt</i>	2019	2020			
505.		Tinh quặng chì sulfua – Xác định hàm lượng chì – Phương pháp chuẩn độ lại EDTA sau khi kết tủa chì sulfat	Chấp nhận ISO 11441:1995	nt	2019	2020			
506.		Tinh quặng kẽm sulfua – Xác định kẽm – Phương	Chấp nhận ISO 12739:2006	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		pháp trao đổi ion/chuẩn độ EDTA							
507.		Tinh quặng chì sulfua – Xác định hàm lượng bạc và vàng – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa sử dụng phương pháp tạo xỉ hoặc cupen	Chấp nhận ISO 12740:1998	nt	2019	2020			
508.		Tinh quặng kẽm sulfua – Xác định hàm lượng kẽm – Phương pháp cộng kết hydroxit và chuẩn độ EDTA	Chấp nhận ISO 13658:2000	nt	2019	2020			
509.		Tinh quặng kẽm sulfua – Xác định hàm lượng bạc – Phương pháp phân hủy axit và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 15247:2015	nt	2019	2020			
510.		Tinh quặng kẽm sulfua – Xác định hàm lượng bạc và vàng – Phương pháp phân tích Fire và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa sử dụng phương pháp tạo xỉ hoặc cupen	Chấp nhận ISO 15248:1998	nt	2019	2020			
511.		Tinh quặng kẽm sulfua – Xác định hàm lượng vàng – Phương pháp phân hủy axit/chiết dung môi/quang	Chấp nhận ISO 15249:1998	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phô hấp thụ nguyên tử ngọn							
Sơn và vecni									
512.		Sơn và vecni – Tấm chuẩn để thử	Chấp nhận ISO 1514:2016	TCVN/TC 35 <i>Sơn và vecni</i>	2019	2020			
513.		Sơn và vecni – Xác định ảnh hưởng của nhiệt	Chấp nhận ISO 3248:2016	nt	2019	2020			
514.		Sơn và vecni – Xác định màu sắc theo phương pháp so sánh trực quan	Chấp nhận ISO 3668:2017	nt	2019	2020			
515.		Sơn và vecni – Phép thử uốn (trục hình côn)	Chấp nhận ISO 6860:2006	nt	2019	2020			
516.		Sơn và vecni – Xác định độ bền mài mòn – Phần 1: Phương pháp bánh xe phủ giấy mài mòn và mẫu thử xoay	Chấp nhận ISO 7784-1:2016	nt	2019	2020			
517.		Sơn và vecni – Xác định độ bền mài mòn – Phần 2: Phương pháp bánh xe cao su mài mòn và mẫu thử xoay	Chấp nhận ISO 7784-2:2016	nt	2019	2020			
518.		Sơn và vecni – Xác định độ bền mài mòn – Phần 3: Phương pháp bánh xe phủ giấy mài mòn và mẫu thử xoay chiều tuyến tính	Chấp nhận ISO 7784-3:2016	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Chất dẻo									
519.		Chất dẻo – Tấm poly (methy methacrylat) – Kiểu loại, kích thước và đặc tính – Phần 1: Tấm cán	Chấp nhận ISO 7823-1:2003	TCVN/TC 61 <i>Chất dẻo</i>	2019	2020			
520.		Chất dẻo – Tấm poly (methy methacrylat) – Kiểu loại, kích thước và đặc tính – Phần 2: Tấm đùn	Chấp nhận ISO 7823-2:2003	nt	2019	2020			
521.		Chất dẻo – Tấm poly (methy methacrylat) – Kiểu loại, kích thước và đặc tính – Phần 3: Tấm cán liên tục	Chấp nhận ISO 7823-3:2007	nt	2019	2020			
522.		Chất dẻo – Tấm đùn copolyme acrylonitrin-styren biến tính chịu va đập (ABS, AEPDS và ASA) – Yêu cầu và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 15015:2011	nt	2019	2020			
523.		Chất dẻo – Màng và tấm – Màng polyamit (nylon) định hướng hai chiều	Chấp nhận ISO 15987:2003	nt	2019	2020			
524.		Chất dẻo – Đánh giá chất lượng bề mặt bám dính trong môi liên kết chất dẻo-kim loại – Phần 1:	Chấp nhận ISO 19095-1:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Hướng dẫn cách tiếp cận							
525.		Chất dẻo – Đánh giá chất lượng bề mặt bám dính trong môi liên kết chất dẻo-kim loại – Phần 2: Mẫu thử	Chấp nhận ISO 19095-2:2015	nt	2019	2020			
526.		Chất dẻo – Đánh giá chất lượng bề mặt bám dính trong môi liên kết chất dẻo-kim loại – Phần 3: Phương pháp thử	Chấp nhận ISO 19095-3:2015	nt	2019	2020			
527.		Chất dẻo – Đánh giá chất lượng bề mặt bám dính trong môi liên kết chất dẻo-kim loại – Phần 4: Điều kiện môi trường để ổn định	Chấp nhận ISO 19095-4:2015	nt	2019	2020			
Nhiên liệu khoáng rắn									
528.		Than nâu và than non – Xác định lượng nhựa, nước, khí và cặn cốc bằng phương pháp chưng cất ở nhiệt độ thấp	Chấp nhận ISO 647:2017	TCVN/TC 27 <i>Nhiên liệu khoáng rắn</i>	2019	2020			
529.		Nhiên liệu khoáng rắn-Từ vựng-Phần 2: Thuật ngữ liên quan đến lấy mẫu, thử nghiệm và phân tích	Chấp nhận ISO 1213-2:2016	nt	2019	2020			
530.		Than – Xác định đặc tính dẻo – Phương pháp dẻo kế	Chấp nhận ISO 10329:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		mômen xoắn không đổi							
531.		Cột – Xác định chỉ số khả năng phản ứng cột (CRI) và độ bền cột sau phản ứng	Chấp nhận ISO 18894:2018	nt	2019	2020			
532.		Nhiên liệu khoáng rắn – Hướng dẫn xác nhận các phương pháp phân tích khác nhau	Chấp nhận ISO 11726:2017	nt	2019	2020			
533.		Than đá – Xác định độ ẩm toàn phần	SX TCVN 172:2011 tham khảo Tiêu chuẩn ISO 589, ASTM	nt	2019	2020			
Kết cấu gỗ									
534.		Kết cấu gỗ – Xác định giá trị đặc trưng – Phần 3: Gỗ ghép thanh bằng keo	Chấp nhận ISO 12122-3:2016	TCVN/TC 165 <i>Gỗ kết cấu</i>	2019	2020			
535.		Kết cấu gỗ – Xác định giá trị đặc trưng – Phần 4: Sản phẩm gỗ kỹ thuật	Chấp nhận ISO 12122-4:2017	nt	2019	2020			
536.		Kết cấu gỗ – Xác định giá trị đặc trưng – Phần 6: Các bộ phận và tổ hợp lớn	Chấp nhận ISO 12122-6:2017	nt	2019	2020			
537.		Kết cấu gỗ – Gỗ ghép ngón – Sản xuất và các yêu cầu sản xuất	Chấp nhận ISO 18100:2017	nt	2019	2020			
538.		Kết cấu gỗ – Tính năng dán dính của chất kết dính – Phần 2: Các yêu cầu bổ sung	Chấp nhận ISO 20152-2:2011	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
539.		Kết cấu gỗ – Tính năng dán dính của chất kết dính – Phần 3: Sử dụng các loài thay thế đối với thử nghiệm dán dính	Chấp nhận ISO/TR 20152-3:2013	nt	2019	2020			
Trang thiết bị y tế									
540.		Trang thiết bị y tế - Ký hiệu sử dụng với nhãn trang thiết bị y tế, ghi nhãn và cung cấp thông tin – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 15223-1:2016	TCVN/TC 210 <i>Quản lý chất lượng trang thiết bị y tế</i>	2019	2020			
541.		Trang thiết bị y tế - Ký hiệu sử dụng với nhãn trang thiết bị y tế, ghi nhãn và cung cấp thông tin – Phần 2: Xây dựng ký hiệu, lựa chọn và đánh giá xác nhận	Chấp nhận ISO 15223-2:2010	nt	2019	2020			
542.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 2: Yêu cầu sử dụng động vật	Chấp nhận ISO 10993-2:2006	nt	2019	2020			
543.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 3: Phép thử độc tính di truyền, khả năng gây ung thư và độc tính sinh sản	Chấp nhận ISO 10993-3:2014	nt	2019	2020			
544.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế – Phần 4:	Chấp nhận ISO 10993-4:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Chọn phép thử tương tác với máu							
545.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 5: Phép thử độc tính tế bào in vitro	Chấp nhận ISO 10993-5:2009	nt	2019	2020			
546.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 6: Phép thử hiệu ứng tại chỗ sau cấy ghép	Chấp nhận ISO 10993-6:2016	nt	2019	2020			
547.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 11: Phép thử độc tính toàn thân	Chấp nhận ISO 10993-11:2017	nt	2019	2020			
548.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 16: Thiết kế nghiên cứu độc lực cho sản phẩm phân hủy và ngâm chiết	Chấp nhận ISO 10993-16:2017	nt	2019	2020			
Dụng cụ tránh thai									
549.		Bao cao su nam bằng latex cao su thiên nhiên - Yêu cầu và p/pháp thử	Chấp nhận ISO 4074:2015	TCVN/TC 157 <i>Dụng cụ tránh thai</i>	2019	2020			
550.		Bao cao su dùng để thử nghiệm lâm sàng - Đo tính chất vật lý	Chấp nhận ISO 16037:2002, amd1:2011	nt	2019	2020			
551.		Bao cao su nam - Hướng dẫn sử dụng ISO 4074 và ISO 23409 trong quản lý chất lượng bao cao su	Chấp nhận ISO 16038:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
552.		Bao cao su nam - Yêu cầu và phương pháp thử đối với bao cao su làm từ vật liệu tổng hợp	Chấp nhận ISO 23409:2011	nt	2019	2020			
553.		Bao cao su nữ - Yêu cầu và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 25841:2017	nt	2019	2020			
554.		Bao cao su - Hướng dẫn nghiên cứu lâm sàng-Phần 1: Bao cao su nam, chức năng lâm sàng dựa trên các báo cáo tự nghiên cứu	Chấp nhận ISO 29943-1:2017	nt	2019	2020			
555.		Bao cao su - Hướng dẫn về các nghiên cứu lâm sàng - Phần 2: Bao cao su nữ, chức năng lâm sàng dựa trên các báo cáo tự nghiên cứu	Chấp nhận ISO 29943-2:2017	nt	2019	2020			
Dung dịch làm mát động cơ									
556.		Chất làm mát động cơ gốc glycerin dùng cho ô tô và xe tải hạng nhẹ – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM D7714 - 11(2016)e1	TCVN/TC 47 <i>Hóa học</i>	2019	2020			
557.		Chất làm mát động cơ loại glycol – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM E 1177-14	nt	2019	2020			
558.		Chất làm mát động cơ loại glycerin -Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM D 7640-16	nt	2019	2020			
559.		Chất làm mát động cơ 1,3 propanediol (PDO) – Yêu cầu kỹ thuật	Chấp nhận ASTM D 7388-08(2013)	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
560.		Chất làm mát động cơ – Phương pháp xác định khối lượng riêng và khối lượng riêng tương đối bằng tỷ trọng kế	Chấp nhận ASTM D 1122-16(2017)	nt	2019	2020			
561.		Chất làm mát động cơ – Xác định hàm lượng nước bằng phương pháp Karl Fischer	Chấp nhận ASTM D 1123-99(2015)	nt	2019	2020			
562.		Chất làm mát động cơ và chất chống gỉ -Xác định pH	Chấp nhận ASTM D1287-11	nt	2019	2020			
563.		Chất làm mát động cơ – Xác định hàm lượng ion clorua	Chấp nhận ASTM D3634-99(2015)	nt	2019	2020			
564.		Chất làm mát động cơ – Xác định hàm lượng tro	Chấp nhận ASTM D1119-05(2015)	nt	2019	2020			
565.		Chất làm mát động cơ – Xác định hàm lượng glycerin bằng chuẩn độ (Natri meta periodat)	Chấp nhận ASTM D7637-10(2015)	nt	2019	2020			
Mỹ phẩm (Xây dựng 7 TCVN)									
566.		Mỹ phẩm – Hướng dẫn định nghĩa và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm và thành phần mỹ phẩm thiên nhiên và hữu cơ – Phần 1: Định nghĩa các thành phần	Chấp nhận ISO 16128-1:2016	TCVN/TC 217 <i>Mỹ phẩm</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
567.		Mỹ phẩm – Hướng dẫn định nghĩa và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm và thành phần mỹ phẩm thiên nhiên và hữu cơ – Phần 2: Tiêu chuẩn đối với sản phẩm và thành phần	Chấp nhận ISO 16128-2:2017	nt	2019	2020			
568.		Mỹ phẩm – Vi sinh vật – Phát hiện Escherichia coli	Chấp nhận ISO 21150:2015	nt	2019	2020			
569.		Mỹ phẩm – Bao gói và ghi nhãn	Chấp nhận ISO 22715:2006	nt	2019	2020			
570.		Mỹ phẩm – Thực hành sản xuất tốt (GMP) – Hướng dẫn thực hành sản xuất tốt	Chấp nhận ISO 22716:2007	nt	2019	2020			
571.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích – Nitroamin: Phát hiện và xác định N-nitrosodiethanolamine (NDELA) trong mỹ phẩm bằng HPLC-MS-MS	Chấp nhận ISO 15819:2014	nt	2019	2020			
572.		Vi sinh vật – Mỹ phẩm – Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn ISO về vi sinh vật trong mỹ phẩm	Chấp nhận ISO/TR 19838:2016	nt	2019	2020			
Thiết bị vệ sinh									
573.		Bộ lắp ráp vòi linh hoạt trong các công trình nước	Chấp nhận BS EN 13618:2016	TCVN/TC 169 <i>Thiết bị vệ sinh</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Yêu cầu chức năng và phương pháp thử nghiệm							
574.		Van phao – Yêu cầu kỹ thuật cho van phao hoạt động dạng piston (thân bằng hợp kim đồng) (không bao gồm phao)	Chấp nhận BS 1212-1:1990	nt	2019	2020			
575.		Van phao – Yêu cầu kỹ thuật cho van phao hoạt động dạng màng (thân bằng hợp kim đồng) (không bao gồm phao)	Chấp nhận BS 1212-2:1990	nt	2019	2020			
576.		Van phao – Yêu cầu kỹ thuật cho van phao hoạt động dạng màng (thân bằng nhựa) chỉ dùng cho nước lạnh (không bao gồm phao)	Chấp nhận BS 1212-3:1990	nt	2019	2020			
577.		Van phao – Yêu cầu kỹ thuật cho van phao hoạt động dạng liên khối cho kết xả vệ sinh (bao gồm phao)	Chấp nhận BS 1212-4:2016	nt	2019	2020			
578.		Vòi nước vệ sinh – Van trộn cơ học áp lực thấp – Yêu cầu kỹ thuật chung	Chấp nhận BS EN 1286:1999	nt	2019	2020			
579.		Vòi nước vệ sinh – Van trộn điều tiết nhiệt áp lực thấp – Yêu cầu kỹ thuật chung	Chấp nhận BS EN 1287:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm									
580.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Các phương pháp lấy mẫu bề mặt	Chấp nhận ISO 18593:2018	TCVN/TC/F 13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2019	2020			
581.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật – Phần 1: Các nguyên tắc chung để chuẩn bị huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân	Chấp nhận ISO 6887-1:2017	nt	2019	2020			
582.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật – Phần 2: Các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị mẫu thịt và sản phẩm thịt	Chấp nhận ISO 6887-2:2017	nt	2019	2020			
583.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm	Chấp nhận ISO 6887-3:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tra vi sinh vật – Phần 3: Các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị mẫu thủy sản và sản phẩm thủy sản							
584.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Chuẩn bị mẫu thử, huyền phù ban đầu và các dung dịch pha loãng thập phân để kiểm tra vi sinh vật – Phần 4: Các nguyên tắc cụ thể để chuẩn bị mẫu sản phẩm hỗn hợp	Chấp nhận ISO 6887-4:2017	nt	2019	2020			
585.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp định lượng Escherichia coli dương tính b-glucuronidase – Phần 1: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44 °C sử dụng màng lọc và 5-bromo-4-clo-3-indolyl-β-D-glucuronid	Chấp nhận ISO 16649-1:2018	nt	2019	2020			
586.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp phát hiện staphylococcal enterotoxin trong thực phẩm bằng enzym miễn dịch	Chấp nhận ISO 19020:2017	nt	2019	2020			

K

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm									
587.		Hướng dẫn xác nhận giá trị của các biện pháp kiểm soát an toàn thực phẩm	Tham khảo CAC/GL 69-2008	TCVN/TC/F 3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm</i>	2019	2020			
588.		Hướng dẫn trao đổi thông tin về kiểm soát thực phẩm trong các tình huống khẩn cấp	Tham khảo CAC/GL 19-1995, Rev.2016	nt	2019	2020			
589.		Quy phạm thực hành vệ sinh đối với thức ăn đường phố	Tham khảo CAC/RCP 76R-2017	nt	2019	2020			
590.		Thực phẩm Halal – Yêu cầu chung	Tham khảo CAC/GL 24, MS 1500	nt	2019	2020			
591.		Định nghĩa và tiêu chí kỹ thuật đối với các thành phần thực phẩm được coi là tự nhiên	Chấp nhận ISO/TS 19657:2017	nt	2019	2020			
Phương pháp phân tích thực phẩm									
592.		Thực phẩm – Xác định hoạt độ nước	Chấp nhận ISO 18787:2017	TCVN/TC/F 13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2019	2020			
593.		Thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật – Phương pháp xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng sắc ký khí hoặc sắc	Chấp nhận EN 12393-1:2013	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kí lông-phổ khối lượng hai lần – Phần 1: Xem xét chung							
594.		Thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật – Phương pháp xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng sắc kí khí hoặc sắc kí lỏng-phổ khối lượng hai lần – Phần 2: Phương pháp chiết và làm sạch	Chấp nhận EN 12393-2:2013	nt	2019	2020			
595.		Thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật – Phương pháp xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng sắc kí khí hoặc sắc kí lỏng-phổ khối lượng hai lần – Phần 3: Phương pháp xác định và phép thử khẳng định	Chấp nhận EN 12393-3:2013	nt	2019	2020			
596.		Thực phẩm – Xác định niacin và niacinamid trong thức ăn công thức từ sữa dành cho trẻ sơ sinh – Phương pháp vi sinh-đo độ đục	Tham khảo AOAC 985.34	nt	2019	2020			
597.		Thực phẩm – Xác định axit pantothenic trong thức ăn công thức từ sữa – Phương pháp vi sinh-đo	Tham khảo AOAC 992.07	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		độ đục							
Rau tươi									
598.		Cải bẹ xanh	Tham khảo ASEAN STAN 43:2015	TCVN/TC/F 10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2019	2020			
599.		Cải bó xôi	Tham khảo ASEAN STAN 45:2015	nt	2019	2020			
600.		Xà lách cuộn	Tham khảo ASEAN Stan 50:2016	nt	2019	2020			
601.		Mướp quả	Tham khảo ASEAN Stan 51:2016	nt	2019	2020			
602.		Đậu cove	Tham khảo ASEAN STAN 53:2017	nt	2019	2020			
603.		Đậu đũa	Tham khảo ASEAN STAN 33:2013	nt	2019	2020			
604.		Đậu bắp	Chấp nhận CODEX STAN 318-2014	nt	2019	2020			
605.		Quả cà chua thân gỗ	Chấp nhận CODEX STAN 303-2011	nt	2019	2020			
Chuối quả tươi – Yêu cầu chất lượng và quy phạm thực hành									
606.		Chuối quả tươi	Soát xét TCVN 1872:2007	TCVN/TC/F 10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2019	2020			
607.		Chuối xanh – Điều kiện làm chín	Soát xét TCVN5259:1990	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
608.		Chuối xanh – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển	Soát xét TCVN 9687:2013	nt	2019	2020			
609.		Quy phạm thực hành chiếu xạ tổ kéo dài thời gian bảo quản chuối, xoài và đu đủ	Soát xét TCVN7510:2005	nt	2019	2020			
Sữa và sản phẩm sữa									
610.		Sữa và các sản phẩm sữa – Hướng dẫn mô tả chuẩn đối với các phép thử miễn dịch hoặc phép thử thụ quan để phát hiện dư lượng kháng sinh	Chấp nhận ISO 18330:2003	TCVN/TC/F 12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2019	2020			
611.		Sữa – Định nghĩa và đánh giá độ chính xác tổng thể của các phương pháp phân tích sữa thay thế – Phần 1: Các thuộc tính phân tích của các phương pháp thay thế	Chấp nhận ISO 8196-1:2009	nt	2019	2020			
612.		Sữa – Định nghĩa và đánh giá độ chính xác tổng thể của các phương pháp phân tích sữa thay thế – Phần 2: Hiệu chuẩn và kiểm soát chất lượng trong phòng thử nghiệm sữa	Chấp nhận ISO 8196-2:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
613.		Sữa – Định nghĩa và đánh giá độ chính xác tổng thể của các phương pháp phân tích sữa thay thế – Phần 3: Quy tắc đánh giá và xác nhận giá trị sử dụng của các phương pháp phân tích định lượng sữa thay thế	Chấp nhận ISO 8196-3:2009	nt	2019	2020			
614.		Sữa tươi thanh trùng	Soát xét TCVN 5860 :2009	nt	2019	2020			
615.		Kem thực phẩm	Soát xét TCVN 7402:2004	nt	2019	2020			
Thịt và sản phẩm thịt									
616.		Thịt và sản phẩm thịt – Xác định protein đậu nành trong thịt nguyên liệu và sản phẩm thịt chế biến nhiệt – Phương pháp hấp phụ miễn dịch liên kết enzym	Tham khảo AOAC 988.10	TCVN/TC/F 8 <i>Thịt và sản phẩm thịt</i>	2019	2020			
617.		Thịt và sản phẩm thịt – Xác định clopidol trong thịt gà – Phương pháp sắc kí khí	Tham khảo AOAC 2003.04	nt	2019	2020			
618.		Thịt lạnh đông	Soát xét TCVN 7047:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
619.		Thịt hộp	Soát xét TCVN 7048:2002	nt	2019	2020			
620.		Thịt chế biến có xử lý nhiệt	Soát xét TCVN 7049:2002	nt	2019	2020			
621.		Sản phẩm thịt chế biến không qua xử lý nhiệt	Soát xét TCVN 7050:2009	nt	2019	2020			
Thủy sản và sản phẩm thủy sản									
622.		Thực phẩm – Xác định axit domoic trong nhuyễn thể và cá bằng RP-HPLC sử dụng detector UV	Chấp nhận EN 14176:2017	TCVN/TC/F 11 <i>Thủy sản và sản phẩm thủy sản</i>	2019	2020			
623.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố và các hợp chất hóa học của chúng – Xác định metyl thủy ngân trong thực phẩm có nguồn gốc hải sản bằng pha loãng đồng vị GC-ICP-MS	Chấp nhận EN 16801:2016	nt	2019	2020			
624.		Sản phẩm ướp tươi và đông lạnh nhanh	Chấp nhận CODEX STAN 315-2014, Amd 2016, Rev 2017	nt	2019	2020			
625.		Trứng cá tầm	Tham khảo CODEX STAN 291-2010	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
626.		Cá đông lạnh nhanh	Chấp nhận CODEX STAN 36-1981, Amd. 2013, Rev. 2017	nt	2019	2020			
627.		Cá phile đông lạnh nhanh	Chấp nhận CODEX STAN 190-1995, Amd. 2014, Rev. 2017	nt	2019	2020			
628.		Cá xay chế biến hình que, cá cắt miếng và cá philê tấm bột xù hoặc bột nhào đông lạnh nhanh	Chấp nhận CODEX STAN 166-1989, Rev. 2004, Amd. 2017	nt	2019	2020			
629.		Khô cá philê, thịt cá xay và hỗn hợp cá philê với thịt cá xay đông lạnh nhanh	Chấp nhận CODEX STAN 165-1989, Amd. 2016, Rev. 2017	nt	2019	2020			
Chè và sản phẩm chè									
630.		Chè và các sản phẩm chè – Xác định theanine trong chè và chè hòa tan nhanh dạng rắn sử dụng sắc kí lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận ISO 19563:2017	TCVN/TC/F 20 <i>Chè và sản phẩm chè</i>	2019	2020			
631.		Túi đựng chè – Quy định kỹ thuật – Phần 1: Quy định đối với túi để vận chuyển chè trên pallet và vận tải bằng container	Chấp nhận ISO 9884-1:1994	nt	2019	2020			
632.		Túi đựng chè – Quy định kỹ thuật – Phần 2: Quy	Chấp nhận ISO 9884-2:1999	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		định hiệu năng của túi vận chuyển chè trên pallet và vận tải bằng container							
633.		Chè và sản phẩm chè – Xác định hàm lượng theobromine và caffein trong chè hòa tan dạng rắn và các sản phẩm chè hòa tan – Phương pháp HPLC	Tham khảo DIN 10810:1996-02	nt	2019	2020			
634.		Chè và sản phẩm chè – Xác định hàm lượng theobromine và caffein trong sản phẩm chè dạng lỏng – Phần 1: Phương pháp HPLC – Phương pháp thông dụng	Tham khảo DIN 10811-1:2000-09	nt	2019	2020			
635.		Chè và sản phẩm chè – Xác định hàm lượng theobromine và cafein trong sản phẩm chè dạng lỏng – Phần 2: Phương pháp HPLC – Phương pháp chuẩn	Tham khảo DIN 10811-2:1997-10	nt	2019	2020			
636.		Chè và sản phẩm chè – Xác định hàm lượng florua – Phương pháp đo điện thế	Tham khảo DIN 10807:1996-02	nt	2019	2020			
637.		Chè và sản phẩm chè – Xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và	Tham khảo AOAC 2014.09	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hóa chất ô nhiễm – Phương pháp GC-MS, GC-MS/MS và LC-MS/MS							
Cà phê và sản phẩm cà phê									
638.		Cà phê – Phân tích cảm quan – Thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO 18794:2018	TCVN/TC/F 16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2019	2020			
639.		Cà phê và sản phẩm cà phê – Chuẩn bị nước chiết cà phê để phân tích	Tham khảo DIN 10792:2013	nt	2019	2020			
640.		Cà phê rang – Xác định chất khô hòa tan	Tham khảo AOAC 973.21	nt					
641.		Cà phê rang – Xác định hao hụt khối lượng ở nhiệt độ 99 °C dưới áp suất thấp	Tham khảo AOAC 968.11	nt	2019	2020			
642.		Cà phê nhân – Xác định axit chlorogenic – Phương pháp quang phổ	Tham khảo AOAC 957.04	nt	2019	2020			
643.		Thực phẩm – Xác định furan trong cà phê và sản phẩm cà phê bằng sắc ký khí không gian hơi và đo phổ khối lượng (HS GC-MS)	Chấp nhận EN 16620:2015	nt	2019	2020			
644.		Cà phê hòa tan hỗn hợp	Tham khảo TCPS 1069-2548 Instant Coffee Mix... và khảo nghiệm	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Đường và sản phẩm đường									
645.		Đường và sản phẩm đường – Xác định cảm quan đối với đường trắng bằng mắt thường sử dụng thang màu Braunschweig	Tham khảo ICUMSA Method GS2-11 (2007)	TCVN/TC/F 18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2019	2020			
646.		Đường và sản phẩm đường – Xác định tỷ lệ hạt mịn trong đường thô bằng phương pháp BSES	Tham khảo ICUMSA Method GS1-20 (2005)	nt	2019	2020			
647.		Đường và sản phẩm đường – Xác định các loại đường khử trong đường mía bằng quy trình Luff-Schoorl	Tham khảo ICUMSA Method GS1-5 (2009)	nt	2019	2020			
648.		Đường và sản phẩm đường – Xác định sacarose trong nước mía, mật mía và sản phẩm đường bằng sắc kí khí	Tham khảo ICUMSA Method GS4/7/8/5-2 (2002)	nt	2019	2020			
649.		Đường và sản phẩm đường – Xác định hàm lượng tro trong đường thô bằng quy trình sulfat hóa	Tham khảo ICUMSA Method GS1-10 (1998)	nt	2019	2020			
650.		Đường và sản phẩm đường – Xác định chất không tan trong đường trắng bằng phương pháp lọc màng	Tham khảo ICUMSA Method GS2/3/9-19 (2007)	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
651.		Đường và sản phẩm đường – Xác định hàm lượng asen trong các sản phẩm đường tinh luyện bằng phương pháp so màu	Tham khảo ICUMSA Method GS2/3/9-25 (2007)	nt	2019	2020			
Dầu mỡ động vật và thực vật									
652.		Dầu cá	Tham khảo CODEX STAN 329-2017	TCVN/TC/F 2 <i>Dầu mỡ động thực vật</i>	2019	2020			
653.		Chất béo có chứa butterfat – Xác định axit butyric – Phương pháp sắc kí khí	Tham khảo AOAC 990.27	nt	2019	2020			
654.		Dầu, mỡ – Xác định triglyceride – Phương pháp sắc kí khí	Tham khảo AOAC 986.19	nt	2019	2020			
655.		Dầu ôliu và dầu bã ôliu	Chấp nhận CODEX STAN 33-1981, Rev. 2017	nt	2019	2020			
656.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng tạp chất không tan	Chấp nhận ISO 663:2017	nt	2019	2020			
657.		Dầu mỡ động thực vật – Xác định chỉ số khúc xạ	Chấp nhận ISO 6320:2017	nt	2019	2020			
658.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định hàm lượng sterol tổng số bằng phương pháp enzym	Chấp nhận ISO 11702:2016	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Gia vị									
659.		Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm độc tố vi nấm trong gia vị	Chấp nhận CAC/RCP 78-2017	TCVN/TC/F 4 <i>Gia vị và phụ gia thực phẩm</i>	2019	2020			
660.		Dấm ăn	Tham khảo EN 13188:2000	nt	2019	2020			
661.		Dấm – Xác định hàm lượng chất khô hòa tan – Phương pháp khối lượng	Tham khảo AOAC 987.08	nt	2019	2020			
662.		Axit axetic thực phẩm	Tham khảo JECFA 2004 và EN 13189:2000	nt	2019	2020			
663.		Muối (natri clorua) – Xác định hàm lượng kali – Phương pháp đo thể tích natri tetraphenylborat	Tham khảo EuSalt/AS 007-2005	nt	2019	2020			
664.		Muối (natri clorua) – Xác định tổng hàm lượng brom và iot – Phương pháp đo phổ phát xạ (ICP-OES)	Tham khảo EuSalt/AS 019-2009	nt	2019	2020			
665.		Muối (natri clorua) – Xác định hexacyanoferrat (ii) – Phương pháp đo quang	Tham khảo EuSalt/AS 004-2008	nt	2019	2020			
Phân tích cảm quan									
666.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Điều kiện ban đầu và huấn	Chấp nhận ISO 5496:2006 with amd1:2018	TCVN/TC/F 13 <i>Phương pháp phân tích và lấy</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		luyện chuyên gia đánh giá để phát hiện và nhận biết mùi		mẫu					
667.		Phân tích cảm quan – Hướng dẫn đánh giá cảm quan màu sắc của sản phẩm	Chấp nhận ISO 11037:2011	nt	2019	2020			
668.		Phân tích cảm quan – Xác định và lựa chọn các thuật ngữ mô tả đối với việc thiết lập đặc tính cảm quan theo cách tiếp cận đa chiều	Chấp nhận ISO 11035:1994	nt	2019	2020			
669.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn chung để thiết lập đặc tính cảm quan	Chấp nhận ISO 13299:2016	nt	2019	2020			
		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn chung để tiến hành các phép thử thị hiếu với người tiêu dùng trong khu vực được kiểm soát	Chấp nhận ISO 11136:2014	nt	2019	2020			
670.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn chuẩn bị mẫu đối với các mẫu không thể phân tích cảm quan trực tiếp	Chấp nhận ISO 5497:1982	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Thức ăn chăn nuôi									
671.		Thức ăn chăn nuôi – Phân lập và định lượng Bacillus spp. giả định	Chấp nhận EN 15784:2009	TCVN/TC/F 17 <i>Thức ăn chăn nuôi</i>	2019	2020			
672.		Thức ăn chăn nuôi – Phân lập và định lượng Bifidobacterium spp.	Chấp nhận EN 15785:2009	nt	2019	2020			
673.		Thức ăn chăn nuôi – Phân lập và định lượng Pediococcus spp.	Chấp nhận EN 15786:2009	nt	2019	2020			
674.		Thức ăn chăn nuôi – Phân lập và định lượng Lactobacillus spp.	Chấp nhận EN 15787:2009	nt	2019	2020			
675.		Thức ăn chăn nuôi – Thức ăn hỗn hợp cho lợn	SX TCVN 1547:2007	nt	2019	2020			
676.		Thức ăn chăn nuôi – Thức ăn hỗn hợp cho gà	SX TCVN 2265:2007	nt	2019	2020			
677.		Thức ăn chăn nuôi – Thức ăn hỗn hợp cho vịt	Tham khảo tài liệu AOAC 99.0	nt	2019	2020			
Thuốc lá									
678.		Thuốc lá – Xác định các nitrosamin đặc hiệu của thuốc lá – Phương pháp sử dụng quy trình chiết bằng dichloromethan kiểm	Chấp nhận ISO/TS 22304:2008	TCVN/TC 126 <i>Thuốc lá</i>	2019	2020			
679.		Môi trường khói thuốc lá – Ước tính phân bố khói	Chấp nhận ISO 15593:2001	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đôi với các hạt lơ lửng có thể hít phải – Xác định các chất hạt bằng hấp thụ cực tím và huỳnh quang							
680.		Môi trường khói thuốc lá – Ước tính phân bố khói đối với các hạt lơ lửng có thể hít phải – Phương pháp dựa trên solanesol	Chấp nhận ISO 18144:2003	nt	2019	2020			
681.		Thuốc lá điếu – Xác định chất hạt khô không chứa nicotin và nicotin trong dòng khói bên – Phương pháp sử dụng máy hút thuốc thông dụng được trang bị ống hút	Chấp nhận ISO 20773:2013	nt	2019	2020			
682.		Thuốc lá điếu – Xác định carbon monoxide trong dòng khói bên – Phương pháp sử dụng máy hút thuốc phân tích thông dụng được trang bị ống hút	Chấp nhận ISO 20774:2013	nt	2019	2020			
683.		Vật liệu sử dụng để làm giấy cuốn đầu lọc, giấy cuốn thuốc lá điếu và các sản phẩm thuốc lá – Xác định hàm lượng citrat	Chấp nhận ISO 20369:2009	nt	2019	2020			
684.		Vật liệu sử dụng để làm giấy cuốn đầu lọc, giấy	Chấp nhận ISO 20370:2009	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cuốn thuốc lá điếu và các sản phẩm thuốc lá – Xác định hàm lượng acetat							
Giày dép									
685.		Giày dép – Từ vựng	Chấp nhận ISO 19952:2005	TCVN/TC216 <i>Giày dép</i>	2019	2020			
686.		Giày dép – Phương pháp thử để trong – Độ bền tách lớp	Chấp nhận ISO 20866:2018	nt	2019	2020			
687.		Giày dép – Phương pháp thử để trong – Độ bền giữ đinh đóng gót	Chấp nhận ISO 20867:2018	nt	2019	2020			
688.		Giày dép – Điều hòa lão hóa	Chấp nhận ISO 20870:2017	nt	2019	2020			
689.		Giày dép – Phương pháp thử để ngoài – Độ bền mài mòn	Chấp nhận ISO 20871:2018	nt	2019	2020			
690.		Giày dép – Phương pháp thử để ngoài – Độ bền xé	Chấp nhận ISO 20872:2018	nt	2019	2020			
691.		Giày dép – Phương pháp thử để ngoài – Độ ổn định kích thước	Chấp nhận ISO 20873:2018	nt	2019	2020			
692.		Giày dép – Phương pháp thử để ngoài – Độ bền xé đường may	Chấp nhận ISO 20874:2018	nt	2019	2020			
693.		Giày dép – Phương pháp thử để ngoài – Xác định độ bền xé tách lớp và độ bền phân lớp	Chấp nhận ISO 20875:2018	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
694.		Giày dép – Phương pháp thử đế trong – Độ bền xé đường may	Chấp nhận ISO 20876:2018	nt	2019	2020			
695.		Giày dép – Phương pháp thử toàn bộ giày – Liên kết gót	Chấp nhận ISO 22650:2018	nt	2019	2020			
Bao bì									
696.		Chuỗi cung cấp ứng dụng công nghệ RFID – Thùng chứa hàng hóa	Chấp nhận ISO 17363:2013	TCVN/TC 122 Bao bì	2019	2020			
697.		Chuỗi cung cấp ứng dụng công nghệ RFID – Đơn nguyên vận chuyển có thể hoàn lại (RTIs) và các đơn nguyên bao bì có thể hoàn lại (RPIs)	Chấp nhận ISO 17364:2013	nt	2019	2020			
698.		Áp dụng chuỗi cung cấp ứng dụng công nghệ RFID – Đơn vị vận chuyển	Chấp nhận ISO 17365:2013	nt	2019	2020			
699.		Áp dụng chuỗi cung cấp ứng dụng công nghệ RFID – Bao bì sản phẩm	Chấp nhận ISO 17366:2013	nt	2019	2020			
700.		Áp dụng chuỗi cung cấp ứng dụng công nghệ RFID – Gắn mã sản phẩm	Chấp nhận ISO 17367:2013	nt	2019	2020			
701.		Kiện hàng vận chuyển đã điền đầy, hoàn tất – Thử nghiệm các tác động xuất	Chấp nhận ISO 4178:1980	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hiện trong quá trình phân phối kiện hàng – Thông tin ghi lại							
Ống và phụ tùng đường ống									
702.		Ống nhựa nhiệt dẻo để vận chuyển chất lỏng – Xác định cường độ va đập bằng phương pháp Charpy – Phần 1: Phương pháp thử chung	Chấp nhận ISO 9854-1:1994	TCVN/TC 138 <i>Ống và phụ tùng đường ống bằng chất dẻo</i>	2019	2020			
703.		Ống nhựa nhiệt dẻo để vận chuyển chất lỏng – Xác định cường độ va đập bằng phương pháp Charpy – Phần 2: Điều kiện thử cho ống làm từ vật liệu khác nhau	Chấp nhận ISO 9854-2:1994	nt	2019	2020			
704.		Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ bền kéo – Phần 1: Phương pháp thử chung	Chấp nhận ISO 6259-1:2015	nt	2019	2020			
705.		Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định độ bền kéo – Phần 3: Ống polyolefin	Chấp nhận ISO 6259-3:2015	nt	2019	2020			
706.		Ống và môi nối poly (vinyl clorua) không định hướng (PVC-O) để vận chuyển nước trong điều kiện có áp - Quy định kỹ thuật	Chấp nhận ISO 16422:2014	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
707.		Ống và phụ tùng đường ống – Quy trình ghép nối cho hệ thống đường ống polyethylene (PE)	Chấp nhận ISO 21307:2017	nt	2019	2020			
708.		Ống và phụ tùng đường ống – Hệ số giảm áp đối với hệ thống ống polyethylene để sử dụng ở nhiệt độ trên 20 °C	Chấp nhận ISO 13761:2017	nt	2019	2020			
709.		Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng – Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa – Phần 1: Dây thông số theo hệ mét	Chấp nhận ISO 161-1:2018	nt	2019	2020			
710.		Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng – Kích thước và dung sai – Phần 1: Dây thông số theo hệ mét	Chấp nhận ISO 11922-1:2018	nt	2019	2020			
711.		Ống nhựa nhiệt dẻo – Bảng thông dụng chiều dày thành ống	Chấp nhận ISO 4065:2018	nt	2019	2020			
Thảm trải sàn									
712.		Thảm – Xác định số lượng Nhung và/hoặc vòng trên đơn vị chiều dài và đơn vị diện tích	Chấp nhận ISO 1763:1986	TCVN/TC 219 <i>Thảm trải sàn</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện.		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
713.		Thảm trải sàn dệt -Xác định độ dày nhung trên bề mặt	Chấp nhận ISO 1766:1999	nt	2019	2020			
714.		Thảm trải sàn dệt – Xác định độ dày mặt mát dưới tải trọng động	Chấp nhận ISO 2094:1999	nt	2019	2020			
715.		Thảm trải sàn dệt và laminate – Đánh giá khuynh hướng điện tĩnh – Phép thử đi bộ	Chấp nhận ISO 6356:2012	nt	2019	2020			
716.		Thảm trải sàn dệt – Phương pháp xác định khối lượng	Chấp nhận ISO 8543:1998	nt	2019	2020			
717.		Thảm trải sàn dệt – Xác định độ bền hư hại tại mép cắt sử dụng phép thử trống Vettermann	Chấp nhận ISO 10833:2017	nt	2019	2020			
718.		Thảm trải sàn dệt – Phép thử bám bẩn phòng thí nghiệm – Phần 1: Phép thử Kappasoil	Chấp nhận ISO 11378-1:2000	nt	2019	2020			
719.		Thảm trải sàn dệt – Phép thử bám bẩn phòng thí nghiệm – Phần 2: Phép thử trống	Chấp nhận ISO 11378-2:2001; amd1:2017	nt	2019	2020			
720.		Thảm trải đàn hồi – Thảm trải sàn poly(vinyl chloride) lót xốp không đồng nhất – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 11638:2012	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
721.		Thăm trái sản dệt – Xác định tính giòn của lớp lót xốp	Chấp nhận ISO 11858:1999	nt	2019	2020			
Sản phẩm da									
722.		Da – Xác định N-methyl-2-pyrrolidone (NMP) có trong da	Chấp nhận ISO 19070:2016	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2019	2020			
723.		Da – Phép thử độ bền bên màu – Độ bền màu với muối	Chấp nhận ISO 20701:2017	nt	2019	2020			
724.		Da – Phép thử hóa – Hướng dẫn thử mức giới hạn hóa chất trong da	Chấp nhận ISO 20137:2017	nt	2019	2020			
725.		Da – Xác định sự phân hủy bởi các vi sinh vật	Chấp nhận ISO 20136:2017	nt	2019	2020			
726.		Da – Da cừu ngâm – Hướng dẫn phân loại trên cơ sở khuyết tật và kích cỡ	Chấp nhận ISO 17551:2018	nt	2019	2020			
727.		Da – Phép thử hóa, cơ lý và độ bền màu – Vị trí lấy mẫu	Chấp nhận ISO 2418:2017	nt	2019	2020			
728.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định khối lượng riêng biểu kiến và khối lượng trên đơn vị diện tích	Chấp nhận ISO 2420:2017	nt	2019	2020			
729.		Da – Phép thử hóa – Chuẩn bị mẫu thử hóa	Chấp nhận ISO 4044:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm									
730.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Chất dẻo – Phần 6: Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm vào dầu oliu bằng sử dụng túi	Chấp nhận EN 1186-6:2002	TCVN/TC 166 <i>Sản phẩm bằng gốm sứ tiếp xúc với thực phẩm</i>	2019	2020			
731.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Chất dẻo – Phần 7: Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm vào dung dịch thức ăn mô phỏng bằng sử dụng túi	Chấp nhận EN 1186-7:2002	nt	2019	2020			
732.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm – Chất dẻo – Phần 8: Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm vào dầu oliu bằng chất đệm	Chấp nhận EN 1186-8:2002	nt	2019	2020			
733.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm – Chất dẻo – Phần 9 – Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm vào dung dịch thức ăn mô phỏng bằng chất đệm	Chấp nhận EN 1186-9:2002	nt	2019	2020			
734.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm – Chất dẻo – Phần 10 – Phương pháp thử tổng lượng thời nhiễm	Chấp nhận EN 1186-10:2002	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		vào dầu oliu (phương pháp thay thế trong trường hợp không chiết được hoàn toàn trong dầu oliu)							
735.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm – Chất dẻo – Phần 11 – Phương pháp thử tổng lượng thoi nhiễm trong hỗn hợp triglyxerit tổng hợp nhãn C	Chấp nhận EN 1186-11:2002	nt	2019	2020			
736.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm – Chất dẻo – Phần 12 – Phương pháp thử tổng lượng thoi nhiễm tại nhiệt độ thấp	Chấp nhận EN 1186-12:2002	nt	2019	2020			
737.		Vật liệu và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm – Chất dẻo – Phần 13 – Phương pháp thử tổng lượng thoi nhiễm tại nhiệt độ cao	Chấp nhận EN 1186-13:2002	nt	2019	2020			
Thiết bị, đồ chơi lắp đặt nơi công cộng									
738.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 1: Yêu cầu chung về an toàn và phương pháp thử	Tham khảo EN 1176-1:2017	TCVN/TC181 <i>An toàn đồ chơi trẻ em</i>	2019	2020			
739.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 2: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử cho xích đu	Tham khảo EN 1176-2:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
740.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 3: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử cho cầu trượt	Tham khảo EN 1176-3:2017	nt	2019	2020			
741.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 4: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử cho đường ray	Tham khảo EN 1176-4:2017	nt	2019	2020			
742.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 5: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử cho ngựa gỗ	Tham khảo EN 1176-5:2008	nt	2019	2020			
743.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 6: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử cho bập bênh	Tham khảo EN 1176-6:2017	nt	2019	2020			
744.		Thiết bị lắp đặt ở sân chơi – Phần 7: Hướng dẫn lắp đặt, kiểm định, bảo dưỡng và vận hành	Tham khảo EN 1176-7:2008	nt	2019	2020			
745.		Tác động làm suy giảm bề mặt thiết bị lắp đặt ở sân chơi - Phương pháp xác định tác động làm suy giảm	Tham khảo EN 1176-4:2018	nt	2019	2020			
Giấy và sản phẩm giấy									
746.		Giấy và các tông để bao gói thực phẩm – Các yêu cầu về an toàn	Tham khảo SNI 8218:2015; GB 11680	TCVN/TC 6 Giấy và sản phẩm giấy	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
747.		Giấy – Xác định độ chịu bụi	Soát xét TCVN 7631:2007 Chấp nhận ISO 2758:2015	nt	2019	2020			
748.		Các tông – Xác định độ chịu bụi	Soát xét TCVN 7632:2007 Chấp nhận ISO 2759:2001	nt	2019	2020			
749.		Giấy và các tông – Xác định độ dày, khối lượng riêng và thể tích riêng	Soát xét TCVN 3652:2007 Chấp nhận ISO 534:2011	nt	2019	2020			
Quản lý môi trường									
750.		Nhãn môi trường và công bố về môi trường – Ghi nhãn môi trường kiểu I – Nguyên tắc và thủ tục.	Chấp nhận ISO 14024:2018	TCVN/TC 207 <i>Quản lý môi trường</i>	2019	2020			
751.		Nhãn môi trường và công bố về môi trường – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn đối với trao đổi thông tin về dấu vết	Chấp nhận ISO 14026:2017	nt	2019	2020			
752.		Quản lý môi trường – Dấu vết nước – Các ví dụ minh họa về cách áp dụng ISO 14046.	Chấp nhận ISO/TR 14073:2017	nt	2019	2020			
Kỹ thuật xử lý chất thải									
753.		Hướng dẫn lập kế hoạch chung về lấy mẫu chất thải	Chấp nhận ASTM D4687-14	TCVN/TC 200 <i>Chất thải rắn</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
754.		Hướng dẫn lấy mẫu tổ hợp và lấy mẫu phụ hiện trường cho các hoạt động quản lý chất thải môi trường	Chấp nhận ASTM D6051-15	nt	2019	2020			
755.		Hướng dẫn chiến lược lấy mẫu chất thải không đồng nhất	Chấp nhận ASTM D5956-15	nt	2019	2020			
756.		Thực hành lấy mẫu với một mẫu chất thải hỗn hợp lỏng (COLIWASA)	Chấp nhận ASTM D5495-03 (2016)	nt	2019	2020			
757.		Hướng dẫn lấy mẫu đại diện cho quản lý chất thải và môi trường bị ô nhiễm.	Chấp nhận ASTM D6044 – 96(2015)	nt	2019	2020			
758.		Thực hành lấy mẫu chất lỏng trong hoạt động quản lý chất thải bằng cách sử dụng bơm nhu động	Chấp nhận ASTM D7353 – 07(2013)	nt	2019	2020			
759.		Thực hành lấy mẫu chất thải từ đường ống và các điểm xả thải khác	Chấp nhận ASTM D5013-2016	nt	2019	2020			
760.		Phương pháp thử để chiết lần lượt theo mẻ chất thải bằng nước	Chấp nhận ASTM D4793-2009	nt	2019	2020			
761.		Thực hành chiết tách chất thải rắn bằng nước	Chấp nhận ASTM D3987-12	nt	2019	2020			
762.		Thực hành chiết tách xử lý chất thải trong khai khoáng và luyện kim bằng nước	Chấp nhận ASTM D8155-17	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Chất lượng không khí									
763.		Phát thải nguồn tĩnh – Xác định nồng độ amoni trong khí ống khói – đặc tính tính năng của hệ thống đo tự động	Chấp nhận ISO 17179:2016	TCVN/TC 146 <i>Chất lượng không khí</i>	2019	2020			
764.		Chất lượng không khí – Xác định hệ số phát thải khối lượng trung bình theo thời gian và hệ số phát thải – cách tiếp cận chung	Chấp nhận ISO 11771:2010	nt	2019	2020			
765.		Không khí xung quanh – Xác định nồng độ số lượng sợi vô cơ- phương pháp kính hiển vi quét điện tử	Chấp nhận ISO 14966:2002	nt	2019	2020			
766.		Phát thải nguồn tĩnh – Xác định tổng hợp chất hữu cơ bay hơi (TVOC) trong khí thải từ các quá trình không đốt- phương pháp dùng máy phân tích phổ hồng ngoại không phân tán với bộ chuyển đổi xúc tác	Chấp nhận ISO 13199:2012	nt	2019	2020			
Thiết bị làm sạch không khí và các khí khác									
767.		Bộ lọc không khí cho hệ thống thông gió chung – Phần 4: Phương pháp ổn	Chấp nhận ISO 16891:2016	TCVN/TC142 <i>Thiết bị làm sạch không khí</i>	2019	2020	2019	2020	2019

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		định đề xác định hiệu suất thử nhỏ nhất							
768.		Bộ lọc không khí cho hệ thống thông gió chung – Phần 2: Phép đo hiệu suất phân đoạn và điện trở dòng khí	Chấp nhận ISO 29462:2013	nt	2019	2020	2019	2020	2019
Chất lượng nước									
769.		Chất lượng nước – Xác định pHt trong nước biển – Phương pháp sử dụng chỉ thị thuốc nhuộm m-cresol tím	Chấp nhận ISO 18191:2015	TCVN/TC 147 <i>Chất lượng nước</i>	2019	2020			
770.		Chất lượng nước – Xác định các hợp chất hữu cơ bay hơi cao đã chọn lọc trong nước – P/pháp sử dụng sắc ký khí và phổ khối lượng bằng kỹ thuật đầu tĩnh (HS-GC-MS)	Chấp nhận ISO 20595:2018	nt	2019	2020			
771.		Chất lượng nước – Xác định brom hòa tan – Phương pháp sử dụng sắc ký ion (IC) và phản ứng cột chính (PCR)	Chấp nhận ISO 11206:2011	nt	2019	2020			
772.		Chất lượng nước – Xác định thủy ngân – Phương pháp sử dụng phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) có và không làm giàu	Chấp nhận ISO 12846:2012	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
773.		Chất lượng nước – Xác định perclorat hòa tan – Phương sử dụng sắc ký ion (IC)	Chấp nhận ISO 19340:2017	nt	2019	2020			
Chất lượng đất									
774.		Chất lượng đất – Hướng dẫn bảo quản ngắn hạn và dài hạn mẫu đất	Chấp nhận ISO 18512:2007	TCVN/TC 190 <i>Chất lượng đất</i>	2019	2020			
775.		Chất lượng đất – Xác định tổng cyanua	Chấp nhận ISO 11262:2011	nt	2019	2020			
776.		Chất lượng đất – Xử lý sơ bộ mẫu để xác định các chất ô nhiễm hữu cơ	Chấp nhận ISO 14507:2003	nt	2019	2020			
777.		Chất lượng đất – Xác định crôm(VI) trong vật liệu đất bằng cách phá mẫu với alkan và sắc ký ion kết hợp khối phổ	Chấp nhận ISO 15192:2010	nt	2019	2020			
778.		Chất lượng đất – Chuẩn bị mẫu phòng thử nghiệm từ mẫu lớn	Chấp nhận ISO 23909:2008	nt	2019	2020			
779.		Chất lượng đất – Xác định thủy ngân – Phổ huỳnh quang nguyên tử hơi lạnh	Chấp nhận ISO/TS 16727:2013	nt	2019	2020			
Quan trắc tiếng ồn – Tiếng ồn phát ra từ máy móc, thiết bị									
780.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc và thiết bị – Hướng dẫn sử dụng các chuẩn cơ bản để xác định	Chấp nhận ISO 11200:2014	TCVN/TC 43 <i>Âm học</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		mức áp suất âm phát ra tại nơi làm việc và tại các vị trí đặc biệt khác							
781.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc và thiết bị – Xác định mức áp suất âm phát ra tại vị trí làm việc và tại các vị trí đặc biệt khác trong trường tự do trên mặt phẳng phản chiếu với các điều chỉnh môi trường không đáng kể)	Chấp nhận ISO 11201:2010	nt	2019	2020			
782.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc và thiết bị – Xác định mức áp suất âm phát ra tại vị trí làm việc và các vị trí đặc biệt khác áp dụng các điều chỉnh môi trường gần đúng)	Chấp nhận ISO 11202:2010	nt	2019	2020			
783.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc thiết bị – Xác định mức áp suất âm phát ra tại vị trí làm việc và tại các vị trí đặc biệt khác từ mức công suất âm	Chấp nhận ISO 11203:1995	nt	2019	2020			
784.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc thiết bị – Xác định mức áp suất âm	Chấp nhận ISO 11204:2010	nt	2019	2020			

d

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phát ra tại vị trí làm việc và tại các vị trí đặc biệt khác áp dụng các điều chỉnh môi trường chính xác)							
785.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc và thiết bị – Phương pháp kỹ thuật để xác định mức áp suất âm phát ra tại hiện trường tại vị trí làm việc và tại các vị trí đặc biệt khác sử dụng cường độ âm	Chấp nhận ISO 11205:2003	nt	2019	2020			
786.		Âm học – Tiếng ồn phát ra từ máy móc và thiết bị – Quy tắc chọn và thể hiện một mã kiểm tra tiếng ồn	Chấp nhận ISO 12001:1996	nt	2019	2020			
Internet kết nối vạn vật và các công nghệ liên quan									
787.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 1: Yêu cầu và tổng quan chung	Chấp nhận ISO/IEC 29182-1:2013	TCVN/JTC 1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2019	2020			
788.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 2:	Chấp nhận ISO/IEC 29182-2:2013	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Từ vựng và thuật ngữ							
789.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 3: Kiến trúc tham chiếu	Chấp nhận ISO/IEC 29182-3:2014	nt	2019	2020			
790.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 4: Mô hình thực thể	Chấp nhận ISO/IEC 29182-4:2013	nt	2019	2020			
791.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 5: Định nghĩa giao diện	Chấp nhận ISO/IEC 29182-5:2013	nt	2019	2020			
792.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 6: Ứng dụng	Chấp nhận ISO/IEC 29182-6:2014	nt	2019	2020			
793.		Công nghệ thông tin – Mạng cảm biến: Kiến trúc tham chiếu mạng cảm biến (SNRA) – Phần 7: Hướng dẫn liên thông, liên tác	Chấp nhận ISO/IEC 29182-7:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Điện toán đám mây									
794.		Công nghệ thông tin – Điện toán đám mây – Khung thỏa thuận mức dịch vụ (SLA) – Phần 1: Tổng quan và khái niệm	Chấp nhận ISO/IEC 19086-1:2016	TCVN/JTC 1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2019	2020			
795.		Công nghệ thông tin – Điện toán đám mây – Khung thỏa thuận mức dịch vụ (SLA) – Phần 3: Yêu cầu phù hợp lỗi	Chấp nhận ISO/IEC 19086-3:2017	nt	2019	2020			
796.		Công nghệ thông tin – Điện toán đám mây – Khả năng liên thông, liên tác và khả năng di động	Chấp nhận ISO/IEC 19941:2017	nt	2019	2020			
797.		Công nghệ thông tin – Điện toán đám mây – Thiết bị và dịch vụ đám mây: Luồng dữ liệu, danh mục phân loại dữ liệu và sử dụng dữ liệu	Chấp nhận ISO/IEC 19944:2017	nt	2019	2020			
Hạ tầng thông minh cho cộng đồng									
798.		Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Mô hình trường trưởng thành cho việc đánh giá và cải tiến	Chấp nhận ISO 37153:2017	TCVN/TC 268 <i>Cộng đồng và thành phố bền vững</i>	2019	2020	2019	2020	2019
799.		Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Hướng dẫn	Chấp nhận ISO 37154:2017	nt	2019	2020	2019	2020	2019

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thực hành về giao thông							
800.		Hạ tầng thông minh cho cộng đồng – Giao thông thông minh cho đô thị đông đúc	Chấp nhận ISO 37157:2018	nt	2019	2020	2019	2020	2019
Phát triển bền vững trong cộng đồng									
801.		Đô thị và cộng đồng bền vững – Từ vựng	Tham khảo ISO 37100:2016	TCVN/TC 268 <i>Cộng đồng và thành phố bền vững</i>	2019	2020			
802.		Đô thị và cộng đồng bền vững – Hướng dẫn thực thi thực tế trong các đô thị	Tham khảo ISO/DIS 37104	nt	2019	2020			
803.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Khung tổng quát mô tả cho các đô thị và cộng đồng	Tham khảo ISO/DIS 37105	nt	2019	2020			
804.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Các chỉ số cho đô thị thông minh	Tham khảo ISO/DIS 37122	nt	2019	2020			
805.		Phát triển bền vững trong cộng đồng – Các chỉ số về đô thị bền vững	Tham khảo ISO/DIS 37123	nt	2019	2020			
Hệ thống giao thông thông minh									
806.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao thức hướng dẫn thông qua	Chấp nhận ISO/TR 13184-1:2013	TCVN/TC 204 <i>Hệ thống giao thông thông</i>	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		trạm ITS cá nhân cho hệ thống cảnh báo an toàn – Phần 1: Thông tin chung và định nghĩa trường hợp sử dụng		<i>minh</i>					
807.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao thức hướng dẫn thông qua trạm ITS cá nhân cho hệ thống cảnh báo an toàn – Phần 2: Đặc tả và yêu cầu giao thức hướng dẫn đường (RGP)	Chấp nhận ISO 13184-2:2016	nt	2019	2020			
808.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao thức hướng dẫn thông qua trạm ITS cá nhân cho hệ thống cảnh báo an toàn – Phần 3: Quy định kiểm tra phù hợp giao thức hướng dẫn đường RGP	Chấp nhận ISO 13184-3:2017	nt	2019	2020			
809.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS – Phần 1: Thông tin chung và định nghĩa trường hợp sử dụng	Chấp nhận ISO/TR 13185-1:2012	nt	2019	2020			
810.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao	Chấp nhận ISO 13185-2:2015	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS – Phần 2: Yêu cầu và đặc tả giao thức công hợp nhất (UGP) cho giao diện công trạm phương tiện ITS (V-ITS-SG)							
811.		Hệ thống giao thông thông minh (ITS) – Giao diện phương tiện để cung cấp và hỗ trợ dịch vụ ITS – Phần 3: Đặc tả máy chủ và máy khách (API) giao thức giao diện phương tiện hợp nhất (UVIP)	Chấp nhận ISO 13185-3:2018	nt	2019	2020			
Vấn đề chung về người tiêu dùng									
812.		Mua sắm bền vững – Hướng dẫn	Chấp nhận ISO 20400:2017	TCVN/TC 02 <i>Vấn đề chung về người tiêu dùng</i>	2019	2020			
813.		Mua bán hàng hóa đã qua sử dụng giữa các quốc gia	Chấp nhận ISO 20245:2017	nt	2019	2020			
814.		Thử nghiệm so sánh sản phẩm tiêu dùng và dịch vụ liên quan – Nguyên tắc chung	Chấp nhận ISO/IEC Guide 46:2017	nt	2019	2020			
815.		Sản phẩm và dịch vụ liên quan – Thông tin cho người tiêu dùng	Chấp nhận ISO/IEC Guide 14:2018	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
816.		Bao gói – Khuyến nghị đề cập đến nhu cầu của người tiêu dùng	Chấp nhận ISO/IEC Guide 41:2018	nt	2019	2020			
Ứng dụng các phương pháp thống kê (Xây dựng 3 TCVN)									
817.		Hướng dẫn sử dụng ước lượng độ lặp lại, độ tái lập và độ đúng trong ước lượng độ không đảm bảo đo	Chấp nhận ISO 21748:2017	TCVN/TC 69 <i>Ứng dụng phương pháp thống kê</i>	2019	2020			
818.		Ba cách tiếp cận thống kê để đánh giá và giải thích độ không đảm bảo đo	Chấp nhận ISO/TR 13587:2012	nt	2019	2020			
819.		Xác định và sử dụng hàm hiệu chuẩn tuyến tính	ISO/TS 28037:2010	nt	2019	2020			
Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính									
820.		Phương án lấy mẫu định tính kép có cỡ mẫu nhỏ nhất, xác định bằng chất lượng ứng với rủi ro của nhà sản xuất (PRQ) và chất lượng ứng với rủi ro của người tiêu dùng (CRQ)	Chấp nhận ISO 28592:2017	TCVN/TC 69 <i>Ứng dụng phương pháp thống kê</i>	2019	2020			
821.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính – Hệ thống lấy mẫu có số chấp nhận bằng “không” trên nguyên tắc số tin cậy để kiểm soát	Chấp nhận ISO 28593:2017	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		chất lượng đầu ra							
822.		Hệ thống lấy mẫu kết hợp có số chấp nhận bằng không và quy trình kiểm soát quá trình để chấp nhận sản phẩm	Chấp nhận ISO 28594:2017	nt	2019	2020			
823.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính – Mức chất lượng quy định về số cá thể không phù hợp trên một triệu	Chấp nhận ISO 28597:2017	nt	2019	2020			
824.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận dựa trên nguyên tắc phân bố ưu tiên (APP) – Phần 1: Hướng dẫn về cách tiếp cận APP	Chấp nhận ISO 28598-1:2017	nt	2019	2020			
825.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận dựa trên nguyên tắc phân bố ưu tiên (APP) – Phần 2: Phương án lấy mẫu một lần phối hợp dùng cho lấy mẫu chấp nhận định tính	Chấp nhận ISO 28598-2:2017	nt	2019	2020			
826.		Phương án lấy mẫu liên tiếp để kiểm tra định lượng phần trăm không phù hợp (đã biết độ lệch chuẩn)	Chấp nhận ISO 39511:2018	nt	2019	2020			
Mã số mã vạch									

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
827.		Hệ thống không gian – Hỗ trợ hậu cần tích hợp	Chấp nhận ISO 16091:2002.	TCVN/JTC1/SC 31 <i>Thu thập dữ liệu tự động</i>	2019	2020			
828.		Hướng dẫn xác định đối tượng tương thích và các hệ thống xác thực liên quan để ngăn chặn việc buôn bán hàng giả và buôn bán trái phép	Chấp nhận ISO 16678:2014	nt	2019	2020			
Hệ thống quản lý									
829.		Vật liệu làm bao bì trực tiếp cho sản phẩm y tế – Yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng ISO 9001:2015 và thực hành sản xuất tốt	Chấp nhận ISO 15378:2017	TCVN/TC 176 <i>Hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng</i>	2019	2020			
830.		Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng	Chấp nhận ISO 50001:2018	nt	2019	2020			
831.		Hệ thống quản lý tính tuân thủ – Các hướng dẫn	Chấp nhận ISO 19600:2014	nt	2019	2020			
832.		Hướng dẫn về dịch vụ tư vấn quản lý	Chấp nhận ISO 20700:2017	nt	2019	2020			
833.		Tổ chức giáo dục – Hệ thống quản lý đối với các tổ chức giáo dục – Yêu cầu về hướng dẫn sử dụng	Chấp nhận ISO 21001:2018	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Sản phẩm thực phẩm									
834.		Thực phẩm - Định lượng nhanh <i>Staphylococcus aureus</i> trong một số loại thực phẩm bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm nhanh Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2001.05	TCVN/TC/F 13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2019	2020			
835.		Thực phẩm - Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> trong một số sản phẩm sữa bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2003.08	nt	2019	2020			
836.		Thực phẩm - Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> trong sản phẩm thịt và sản phẩm thủy sản bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2003.11	nt	2019	2020			
837.		Thực phẩm - Định lượng nhanh vi khuẩn hiếu khí bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2015.13	nt	2019	2020			
838.		Thực phẩm - Định lượng nhanh nấm men và nấm mốc bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2014.05	nt	2019	2020			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
839.		Thực phẩm - Phát hiện <i>Salmonella</i> bằng phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™	Tham khảo AOAC 2014.01	nt	2019	2020			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch cần được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.